

Tuvinh ngày 9 tháng 3 đt 1993

Kính gửi Bà Khúc Minh Thọ
Chủ tịch hội Cựu tù nhân chính trị Việt Nam
P.O. BOX 5H35, ARLINGTON, VA 22205-0635 U.S.A.

Thưa bà Chủ tịch,

Từ trước đến nay tôi đã gửi đến Bà qua đường dây bưu điện 3 đợt hồ sơ: 1 lần vào năm 1989, 1 lần vào năm 1990 và lần thứ 3 vào năm 1991 nhưng mãi đến nay tôi vẫn chưa nhận được phản đáp của Bà nên tôi xin trình bày lại lý lịch xã trường hợp chết "ngoại trái cái tao" của chồng tôi để cuối xin Bà gia ân xét lại hồ sơ xin xuất cảnh di tản HO của tôi và cấp cho tôi 1 giấy giới thiệu (cơ như giấy HO) của hội hoặc cần thiệp xin hồ ODP Bangkok giúp tôi 1 giấy HO. Nếu có vẫn kiện có ban chỉ huy đơn xuất cảnh phía Việt Nam và VN, cho rằng sau khi mất đi về nhà binh chết phía Mỹ không cho phép cư, nên buộc phải có HO.

Tôi cũng đã có nộp hồ sơ cho ODP, Bangkok vào tháng 4/1991 có nhận được hồi báo của Bangkok nhưng tới nay chưa thấy trả lời.

Về lý lịch của chồng tôi cố Nguyễn Minh Nguyệt:

Nguyễn chồng tôi Nguyễn Minh Nguyệt sinh năm 1926 tại An Xuyên Cà Mau. Trước 1975 là Công chức của Chánh Phủ Việt Nam Cộng Hòa, ngạch Tham Sự Hành Chánh. Từ năm 1947 đến 30/04/75 có 28 năm thâm niên công vụ. Từ 1947 bắt đầu làm thủ ký tại Tòa Hành Chánh Gia Định, năm 1955 chuyển chuyên về Vĩnh Bình và lần lượt giữ các chức vụ: Chánh Văn Phòng, Trưởng Ty Hành Chánh, Phó Quản Trưởng tại các Quản Long Toàn, Cầm Ngang, Châu Thành thuộc tỉnh Vĩnh Bình và chức vụ sau cùng từ ngày 30/04/1975 là Chủ Sự Phòng Kiểm Soát Kinh tế tỉnh Vĩnh Bình. Được sự đề cử hoặc cái tao từ 03/06/75 đến 04/02/81 (5 năm 6 tháng) tại Trại Tam Cốc cái tao Bến Giá xã sau khi mất đi về li gia đình.

12 tháng tại địa phương cũ ngụ -

Vi bị ảnh hưởng khó khăn của gần 6 năm tại đây, khi bị
bị quái chủ, nhà của bị kiểm kê sống thiếu thốn và không công
ăn việc làm chồng tôi lâm bệnh và đã chết ngày 3/12/1988
vì chứng bệnh "tái biến mất máu não".

Về lý lịch của tôi Nguyễn Thị Liên là người thừa kế và
đường đời -

Tôi Nguyễn Thị Liên sinh ngày 1/1/1935 tại Sơn Mỹ Trại, tỉnh
Trà Vinh, là vợ chánh thức của cố Nguyễn Minh Nguyệt và
là thừa kế hợp pháp để xin Xuất Cảnh tại đình cũ tại Hoa Kỳ.

Phần cơ bản tôi trước 1975 cũng là công chức ^{điều hành} ~~ngành~~
Thư ký Tài Chánh có 19 năm thâm niên công vụ và chế độ
cũ (làm việc từ 1/2/1956 đến 30/04/1975).

Sau ngày tiếp quản 30/04/75 đã học tập tại chỗ ngay
nơi đơn vị nghỉ việc luôn từ đó, và từ ấy đến nay tôi
sống với nghèo đói nơi cư ngụ -

Thưa Bà Chủ tịch;

Giờ đây, cuộc sống của gia đình tại ở Việt Nam hết sức
khó khăn và cũng thông kém phần vất vả, tôi không
quen biết ai có thẩm quyền nên xin cầu cứu chỉ có một
đất hết hy vọng ở Bà Chủ tịch vì tôi nghĩ rằng cũng
là phải hiểu và cũng gọi người Việt Nam; có lẽ Bà
đi thăm hỏi và cảm thông những nỗi niềm đau khổ
của người nghèo với cuộc sống hết sức nghèo nàn vì
có làm cho máy cũng thiếu ăn.

Tôi trông đợi tin Bà với tất cả lòng thành kính và
Đức ơn.

Nay kính

Liên

Travinh ngày 8 tháng 1 đl 1997

Thưa Bà Chú Tích,

Trước hết tôi xin có đôi lời kính thăm Bà và gia đình, kể từ xin được phép hỏi thăm anh tôi và chỉ thu tiền 5' đầu và có khỏe không? Ngay xưa (khoảng thời gian năm 1968) tôi có làm việc tại Ty Thuế Vụ Sầu Riêng với Thu, Thăm, Châu, Lan sau đó tôi trở về Travinh và cho tới bây giờ tôi vẫn chưa có dịp trở lại Sầu.

Sau đây tôi xin kính trình Bà hồ sơ xin Xuất Cảnh đi du lịch Nhân đạo của tôi. Tôi kính xin Bà gia đình của xét và giúp đỡ. Nguyên chồng tôi cũng chết từ đó cũng có bị cái tao 3 năm 6 tháng. Chồng tôi làm biết từ ngày còn trong trại cái tao và đã chết khi đang tha vì cũng do hậu quả từ đây. Tôi được cấp lên đi một mình vào tháng 6 năm 1995. Nay theo luật mới tôi xin thêm cho đứa con còn nhỏ hơn 21 tuổi đi cùng.

Tôi xin trình lại 1 số giấy tờ kính mong Bà thương xót giúp đỡ giúp đỡ tôi sớm thoát được hơi thở đi đi cùng con gái tôi vì hiện nay tôi đã già không làm gì được và sống rất vất vả.

Cuối thư xin kính chúc Bà và quý họ hàng thân ái, mọi điều may mắn trong năm mới và xin Bà nhận lời đây lòng thành kính và tri ân của tôi.

Thay kính

Lan



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

IV# 332035

VEWL# 91.534

I-171: Y

EXIT VISA #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two Copies)

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

- APPLICANT IN VIETNAM LIÊN * THỊ NGUYỄN
Last Middle First
Current Address: 17 NGUYỄN THỊ MINH KHAI ST, TRAVINH TOWN, TRAVINH PROV.
Date of Birth: 07-01-1935 Place of Birth: SÔNG LỘC, TRAVINH
Previous Occupation (before 1975) clerk of TAX SERVICE (VINH BINH PROVINCE)
(Rank & Position)
- TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 30-4-75 To 7-5-75
Years: _____ Months: 07 Days: _____
- SPONSOR'S NAME: CATSY, CU 18325 SWAN STREAM DRIVE
Name

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone Number	Relationship
<u>CATSY, CU</u>	<u>FRIENDSHIP</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NOTE * WIFE of NGUYỄN MINH NGUYỄN (Dead) - Ex Political Prisoner -

Date of birth: 1926

Place of birth: An Xuyen (CAMAU)

Serving with GVN/SAIGON: From 1955 To 30-04-1975

Last work/function: Administration clerk, Economic bureau chief VINH BINH (ECONOMIC SERVICE VINH BINH PROVINCE)

- Time in re-education: From 03-06-75 To 04-02-1981
(05 years 08 months in BẾN GIÀ camp)

DATE PREPARED: 9/3/1998

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : LIEN THI NGUYEN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
1. NGUYEN MINH TAM	09.30.59	Son
2. NGUYEN MINH HOANG	05.06.62	Son
3. NGUYEN VAN HUNG	11.19.67	Son
4. NGUYEN THI PHUONG TRAM /	02.22.75	Daughter

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

Same above

ADDITIONAL INFORMATION :

Travinh January 8, 1997

PETITION

To : Mr. DEWEY PENDERGRASS

The Director of the U.S. Orderly Departure Program
— in Bangkok - Thailand

Subject : Request for further assistance on the spirit of
Humanitarian Act.

Dear Director,

I undersigned NGUYEN-THI-LIEN

I.V-332 035 /VEWL#:91534

current address at 17 Nguyen thi Minh Khai street
ward 2 Travinh Town Travinh Province, Vietnam,
wish to submit my case to your assistance on the
spirit of Humanitarian Act as follows:

I am a widow of a former political prisoner
who died as a direct result of internment in a
re-education camp.

My husband who named NGUYEN-MINH-NGUYET
was a Public Servant working for the Government
of the Republic of Viet-Nam.

- Time of work : from 1944 to 1945

- Last position : Deputy Chief Office of Economic
Inspection in Vinh-Binh province.

- Time spent in re-education camp : 5 years and 6
months.

While re-educating he was a sick man who lived
under pressure and suffering from want of food.

So that, when release his health was enfeebled,
serious illness and died on December 3, 1988.

The death causing as a direct result of his
incarceration.

Based on the spirit of humanitarian act, I
am eligible for H.O program and my unmarried
children may also be considered accompanying
me under the Orderly Departure Program to immi-
grate to the United States of America.

By this present, I solicit your compassionate
assistance to favor my unmarried daughter

with a Letter of Introduction (LOI) to obtain
EXIT PERMISSION from the SRV Ministry of
Interior

17- Nguyen-thi-Lien, 7 January 1935, widow.

27- Nguyen-thi-Phuong-Tram, 2 February 1975
unmarried daughter

Dear Director,

I am widow 62 years old, day to day
I become older and older, my health has
became worse and worse, I need someone
to console as well to take care for me.

I hope that you can save your time
to consider this case.

Thanks for your further assistance

I keep waiting your information.

Yours Sincerely

Lien

Nguyen-thi-Lien

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
TỈNH VĨNH - BÌNH

Quận Châu Thành

xã Phủ-Vinh

số hiệu 281

TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

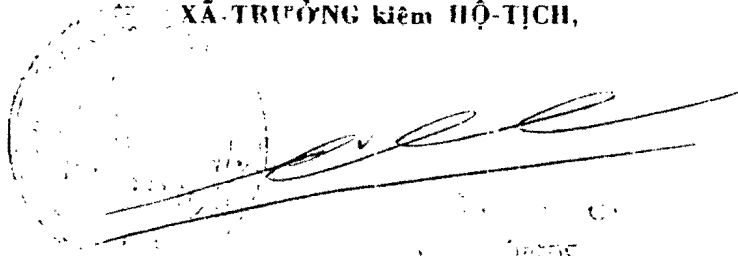
Lập ngày 25 tháng 2 năm 1975

Tên họ đứa trẻ : NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM
Con trai hay con gái : gái
Ngày sanh : hai mươi hai tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm (22-2-75)
Nơi sanh : Phủ-Vinh (Vĩnh-Bình)
Tên họ người cha : /
Tên họ người mẹ : Nguyễn thị Liên
Vợ chánh hay không có hôn thú : /
Tên họ người đứng khai : Trần thị Minh

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Phủ-Vinh ngày 3 tháng 3 năm 19 75

XÃ-TRƯỞNG KIỂM HIỆP-TỊCH,



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN XÁC NHẬN ĐỘC THÂN

Kính gửi : ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ, PHƯỜNG Song Lặc

Tên tôi là : NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM

Sinh ngày 22 tháng 02 năm 1975

Chứng minh nhân dân số : ngày

Cấp tại :

Hiện thường trú : xã Song Lặc, Châu Thành (Trà Vinh)

Xin cam kết rằng : Hiện nay tôi chưa đăng ký kết hôn với ai và hiện đang sống độc thân.

Yêu cầu Ủy ban nhân dân xã, phường xem xét chứng nhận để tôi bỏ tức hồ sơ

Xin Xét Cảnh

Tôi bảo đảm nội dung nêu trên là đúng sự thật, nếu có điều chi gian dối tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Chứng nhận của UBND

Xã, Phường

(Nơi đương sự thường trú)

Song Lặc, Ngày 06 tháng 1 năm 1996

Ký tên

(Ghi rõ họ tên)

TS Nguyễn Thị Phương Trâm
sinh 1975 còn độc thân là đúng

Song Lặc, 06 tháng 01 năm 1996



Ban Dân Thiết

T. H. H.
Nguyễn Thị Phương Trâm
Xác Nhận

Khoản 1 của Nguyễn Thị Phương
Trâm, Còn độc thân, Chứng tỏ
CA cấp Huyện, T. T. CA Xã
Song Lặc Xem Xét cấp 20/1/96
Phủ Lãm ngày 06/01/96
Trưởng CA cấp

Nguyễn Văn Chấn

MẪU ĐƠN BẢO LÃNH CÁC CỰU TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ



NATIONAL OFFICE

WA

MIGRATION AND REFUGEE SERVICES

1312 MASSACHUSETTS AVENUE, N.W. • WASHINGTON, D.C. 20005

202/659-5515

Telex: 710 621 1164 ATTN: MRS

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

Applicant in Vietnam LIÊN * THỊ NGUYỄN
Last Middle First
Current Address 17 NGUYỄN THỊ MINH KHAI Street, TRAVINH City, CUU LONG PROVINCE
Date of Birth 07-01-1935 Place of Birth TRAVINH, CUU LONG (S/VN)

Names of Accompanying Relatives/Dependents

1. TÂM MINH NGUYỄN (Son)
2. HUÂN MINH NGUYỄN (Son)
3. HÙNG VĂN NGUYỄN (Son)
4. PHƯƠNG TRAM THỊ NGUYỄN (Daughter)

Time Spent in a Re-education Camp: Dates: From 30.06.1975 to 04.02.1981

Names of Relatives/Acquaintances in the U.S.

NAME	RELATIONSHIP	NAME	RELATIONSHIP
<u>MINH THỊ TRẦN</u>	<u>Niece</u>	<u>(A.T.)</u>	<u>(A.T.)</u>

Form Completed By:

Name

Address

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

USCIS Form 1

CHỈ DẪN:

Sau khi điền mẫu đơn này, kèm giấy phỏng thích, giấy ra trại hay các hồ sơ ODP (nếu có). Xin quý vị gửi thẳng cho USCC theo đúng địa chỉ ghi ở trên. Xin đừng gửi hồ sơ này tới Hội Cựu Tù Nhân Chính Trị Việt Nam.

NOTE * Wife of NGUYỄN MINH. NGUYỄN (dead) = Ex Political Prisoner =
- Date of birth: 1926
- Place of birth: ANXUYEN (CAMAU)
- Serving with GVN/SATCEN = from 1955 To 30.06.1975
- Last rank / function: Administration clerk, Economic bureau chief (ECONOMIC SERVICE - VINH ANH PROVINCE)
- Time in re-education: from 30.06.75 to 04.02.1981
(25 years of hard labor in BẾN LÚP camp)

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
to be completed by relative/friend in USA

I

YOUR NAME CATSY, CU YOUR ALIEN STATUS IS: American citizen
DATE OF BIRTH 02-10-1931 U.S. CITIZEN Number: 11016439
PLACE OF BIRTH VIETNAM PERMANENT RESIDENT ☐ A# _____
ADDRESS IN USA REFUGEE ☐ A# _____
DATE OF ENTRY INTO USA mo. day year 04 30 1975
FROM WHICH COUNTRY? VIETNAM
TELEPHONE NO. (HOME) _____ VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW
(WORK) _____ IN CONTACT U.S.C.C.

II

INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:

* The Principal Applicant(P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) NGUYEN THI LIEN
ADDRESS IN VIETNAM 17 NGUYEN THI MINH KHAI THI XA TRA VINH
HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? _____ CATEGORY? _____
DATE AND PLACE OF FILING _____
DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES NO X NUMBER? _____

I AM THE: HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☐
OTHER FRIENDSHIP OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
(Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH mo/da/yr	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
* 1. <u>NGUYEN THI LIEN</u>	<u>01.07.35</u>	<u>TRAM</u>	<u>F</u>	<u>W</u>	Principal Applicant	<u>17 NGUYEN THI MINH KHAI THI XA TRA VINH VIET-NAM</u>
2. <u>NGUYEN MINH TAM</u>	<u>09.30.59</u>	<u>-</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>	
3. <u>NGUYEN MINH HOANG</u>	<u>05.06.62</u>	<u>-</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>	
4. <u>NGUYEN VAN HOANG</u>	<u>11.19.67</u>	<u>-</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>	
5. <u>NGUYEN THI PHUONG</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>daughter</u>	
6. <u>TRAM</u>	<u>02.22.75</u>	<u>-</u>				
7. <u>X</u>						
8. <u>X</u>						
9. <u>X</u>						
10. <u>X</u>						
11. <u>X</u>						
12. <u>X</u>						
13. <u>X</u>						
14. <u>X</u>						

III

FAMILY TREE

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/ DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife						
	M/F			Yes/No		
B. My former husband/wife						
NGUYEN THI LIEN	M/F	01.07.35	VIET NAM	Yes/No	Living	17 NGUYEN THI MINH KHAI THI XA TRA VINH, VIET-NAM.
	M/F			Yes/No		
C. Her children						
NGUYEN MINH TAM	M/F	09.20.59		Yes/No		
NGUYEN MINH HOANG	M/F	05.28.62		Yes/No		
NGUYEN VAN HOANG	M/F	11.19.67		Yes/No		
NGUYEN THI PHUONG	M/F			Yes/No		
TRAM	M/F	02.22.75		Yes/No		
	M/F			Yes/No		
D. Your parents						
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
E. Your brothers/sisters						
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		

NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

[Signature]
Signature of Applicant

[Signature]
Signature of Notary

Subscribed and sworn to me
this 10 day of October, 19 90

My commission expires: 4/1/92

SEAL OF NOTARY

NOTE: If you are a refugee or Permanent Resident Alien, please attach a copy of your I-94 (refugee) or I-151/I-551 (Permanent Resident Alien) green card to the completed affidavit. Do not photocopy your Naturalization Certificate.

EMBASSY OF THE UNITED STATES OF AMERICA
BANGKOK, THAILAND

JUN 26, 1995

TO WHOM IT MAY CONCERN:

NGUYEN THI LIEN

BORN 7 January 1935 PA (IV 352035/ R17-0670)

ADDRESS IN VIETNAM: 17 NGUYEN THI MINH KHAI
P 01
TRA VINH
QUU LONG

NEWL#: 01534

CDF yêu cầu cho phép những người có tên ghi trên được đơn du phong van khi có yêu cầu đã quyết định có hội du diu kien tai dinh cu tai Hoa Ky hay khong. Quyết định cuối cùng về việc hội du diu kien hay khong con tuy thuc vao ket qua phong van cua cac vien chuc di tru hoac lanh su hoa ky cung nhu việc hoàn tat các cuộc khám sức khỏe cần thiết khác. Việc chấp thuận hồ sơ và sự ra đi của họ sẽ tuy thuc vao su xac nhan cua vien chuc phu trach la ho hoi du tat ca cac tieu chuan luat dinh va di tru va y te.

Các đơn du không nên sắp xếp việc ra đi, bán nhà cửa, hoặc xin nghỉ việc trước khi được cả hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt Nam thông báo đã hoàn tat các thủ tục cuối cùng.



MARTHA L. SARDINAS

Siem Doc

Chuon, Toan Ké Sĩ Có Trát Tu

9414420
COP/

LOI-1

Orderly Departure Program
Box 501 - US Embassy
APO AP 96541

NGUYEN THI LIEN
17 NGUYEN THI MINH KHAI
F 01
10. VINH
000 LCM
VIET NAM

IV Number : 336035

Linh kèm là thư giới thiệu (LCI) của Chương Trình Di Cư Có Trật Tự (ODP) của. Thư giới thiệu có tên phải trình bày đầy đủ cho chính quyền Việt Nam và xin giấy phép xuất cảnh. Bà nhi Chy/la là một bản sao của thư này để tiến theo các hồ sơ. Khi liên lạc thư từ với ODP, xin Chy/la ghi rõ số IV do ODP cấp để chúng tôi có thể truy lục hồ sơ của Chy/la.

Ở ngoài nước này, khi liên lạc với ODP, xin Chy/la gửi thư và địa chỉ cuối cùng:
ODP, 127 Sanjichon Building, Sathorn Tai Road, Bangkok, Thailand 10120

Linh kèm: Thư Giới Thiệu (LCI)

LDI-3
PA/VN

Travinh July 24, 1992

Orderly Departure Program
127 Sathorn Tai Road
Bangkok, 10120
Thailand

Re: Petition to be issued the "LOI" for the reason that my husband was incarcerated in the re-education camps for 5 years and upon his release died because of illness.

Dear Agency:

Per your receipt of my letter and file attached which was sent to your agency on 4/22/1991 regarding the issuance of the document "LOI" because my husband Nguyen Minh Nguyet was incarcerated in the reeducation camps (5 years and 6 months) and died because of illness upon his release.

Until the present time i have not obtained any result from your agency, I am writing my husband's background and circumstance of his death for your consideration.

Regarding the background of the deceased Nguyen Minh Nguyet.

My husband Nguyen Minh Nguyet was born in 1926 in An Xuyen, Ca Mau. Before 1975 he was a public servant and worked for the Government of the Republic of Viet Nam, with the status of Administrator. From 1947 until 04/30/1975, he served 28 years in the government. In 1947 he started being cleric for the City Hall of Gia Dinh, in 1955 he was transferred to Vinh Binh and he held the following positions: Chief Cleric, County chairman, Vice mayor County Long Toan, Cau Ngang, Chau Thanh in the province of Vinh Binh and his last position until 04/30/1975 was Deputy Chief office of Economic Inspection for the province of Vinh Binh. My husband was incarcerated in the re-education camps from 06/03/1975 until 02/04/1981 (5 years and 6 months) at the re-education Camp in Ben Gia, and upon his release he was house detained for 12 months locally.

Because my husband suffered from the apin during almost 6 years of being incarcerated, and his house detention when he lived under pressure because he was not employed, he was sick and died on 12/3/1988 for brain damage.

Regarding my background Nguyen Thi Lien who is his widow and petitioner.

My name is Nguyen Thi Lien I was born on 1/7/1935 in SongLoc Travinh, and I reside at 17 Nguyen Thi Minh Khai Street, Sector I, Travinh. I am the legal wife of Nguyen Minh Nguyet and his widow who is eligible to apply for permission to leave my country for the United States.

Before 1975 I worked for the government as cleric during 19 years of service with the government of the previous regime (I was employed from 2/1/1956 until 04/30/1975). After 4/30/1975 I had to be trained by the new regime for 7 days and was laid off since then. I actually work as a seamstress where I reside.

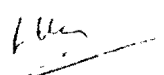
Dear Agency:

The Office of Exit Visas requires that I must have the document "LOI" issued by ODP/BK then my application for Exit visa would be forwarded to the Vietnamese government, I am writing to request that you review and consider my application and grant me, as a widow who is self helped, having no support and who worked as a public servant in the government of the regime before 1975, to issue to me a LOI so that I would be able to have documentation in support of my application for an Exit Visa with the Vietnamese authorities.

I would like to add that I have submitted to you 3 applications, in 1989, in 3.1991 and the last one on 7.24.1991 to Mr. William Flemming, Director of ODP, but I have not received any response.

I look forward to obtain a favorable response from your agency. Please would you accept my respects and gratitude.

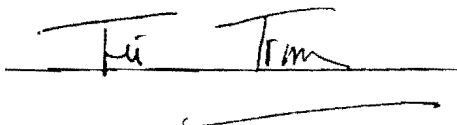
Sincerely, ,

Signature 

Current address:
Nguyen Thi Lien
17 Nguyen Thi Minh Khai
City of Travinh, Viet Nam

CERTIFICATE OF TRANSLATION

I do hereby certify that I am fluent in Vietnamese and English and that I translate this letter written in Vietnamese, into English to the best of my ability.



From: Nguyễn-thị-Liên
17 Nguyễn-thị-Minh-Khai
tỉnh Trà Vinh, VIỆTNAM

T
530P

GOA PW-

\$

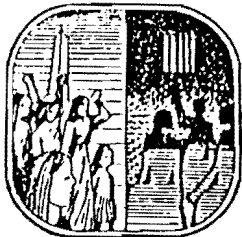
PAN AVIEN

To: Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. BOX 5435 ARLINGTON VA 22205-0635 U.S.A

- Công chức cũ - Cao Tào Sơn Thạch

JAN 25 1987

WP#21(1-4-95)



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL.#: _____

I-171: Y N

EXIT VISA.#: _____

* WIDOW OF FORMER POLITICAL PRISONER *
* REGISTRATION FORM *
* (Two Copies) *

The purpose of this form is to identify WIDOWS AND UNMARRIED CHILDREN of former re-education camp prisoners who died while being detained in the camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. WIDOW APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THI LIEN
Last Middle First

Current Address 07 Ng. Thi Minh Khai - Thua Thien Huu.

Date of Birth 07-01-1935 Place of Birth Tra Vinh

2. NAME OF FORMER RE-EDUCATION CAMP PRISONER WHO DIED IN THE CAMP (HUSBAND/
FATHER)

NGUYEN MINH NGUYET

Previous Occupation (before 1975) Cấp 3 KT / Tra Vinh
(Rank & Position)

TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP -- Dates: From 06-75 To DEATH DATE: 02/1981
12/1988

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____

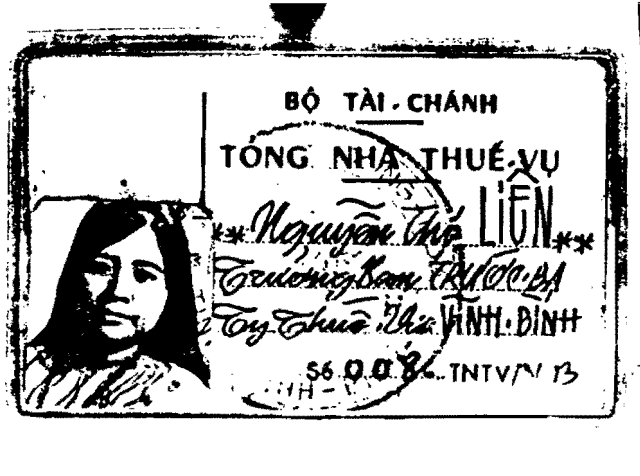
If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



BỘ TÀI CHÍNH

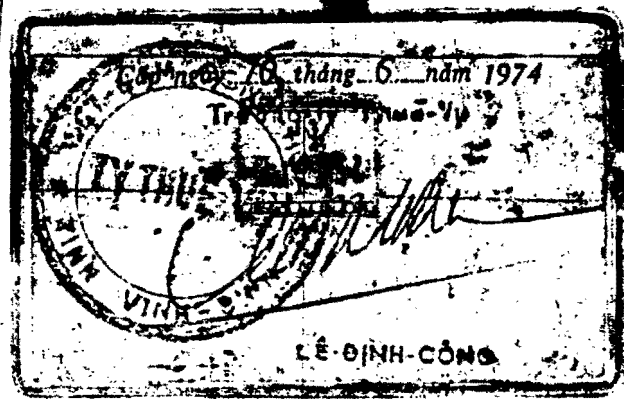
TỔNG NHA THUẾ VỤ

Nguyễn Thị **LIÊN**

Trưởng Ban Thuế Bã

Tuy Hòa, Tỉnh **BÌNH ĐỊNH**

Số 008 INTV/M 13



Cấp ngày 10 tháng 6 năm 1974

Trên đây là...

TỔNG LÃNH

VINA

[Handwritten signature]

LÊ ĐÌNH CÔNG

Travinh ngày 24 tháng 5 d năm 1991

Kính thưa Bà

Trước hết tôi xin kính chúc sức khỏe của Bà và gia đình sau tôi xin trình bày cũng Bà chút việc dưới đây và cũng cuối xin Bà gia an xét giúp hồ sơ xin xuất cảnh đưa họ của tôi thì ở đây tôi nguyện kết cố ngấm vãng.

Nguyên trước đây chồng tôi Nguyễn Minh Nguyệt là công chức tại Tòa Hành Chánh Vĩnh Bình bị đưa đi cải tạo tại Trảng Trâm Cai Táp Bùn già từ 3/6/1975 đến 4/2/1981. Trong những ngày ở tù bị quá lao lực, lao tâm lại thiếu sức khỏe nên khi được thả về là chứng tôi bắt đầu yếu dần và bệnh hoạn triền miên không dứt. Cho đến tháng 4/1988 bệnh tình có phần trầm trọng phải được về bệnh viện Nguyễn Văn Hoi Saigon điều trị thời gian cải nắn tôi ở không được thăm viếng từ đó chồng tôi bị chứng "tái biến mất máu não" đến không còn đi đứng nơi nào gì được hết. Đành phải nằm về Travinh hoặc men cầu chứng cho chết. Từ vậy khi trở về Travinh nằm bệnh viện có năm trời chứng tôi cũng được sống trong tình trạng đó sống đó chết. Đến ngày 3/12/88 chồng tôi qua đời.

Kính thưa Bà,

Kết vi chồng tôi cũng bị tù gần gần 6 năm gia đình tôi phải lo nuôi nấng từ lúc đi cải tạo đến khi về chạy chữa thuốc men suốt mấy năm trời tiền bạc không còn, gia đình tăng thêm cảnh khó khăn thiếu ăn, cái con tôi do ảnh hưởng lý lịch của cha không được học hành tôi nói lời chân, nên đành phải thất nghiệp, tôi khổ dài dài.

Hiện nay mẹ con tôi sống khổ khăn và bất và trầm bi, xin bà xót thương và can thiệp

cho cảnh tình này để cách cứu xét hồ sơ của tôi
cho tôi và các con tôi được được đi định cư theo
điều Nhân đạo (Ho) của Luật Phi Hoa Kỳ.

Sao sao cũng cầu xin Bà giúp em xét lại
giám trường hợp xin Xuất Cảnh của tôi, cả 2 vợ
chồng chúng tôi đều tham gia chủ đồ ăn trên
20 năm. Đến ngày 30/04/1975 chúng tôi bị cái
tạo 5 năm 6 tháng và cả nhân tôi bị cái tạo
7 ngày và ngày này luôn từ đó.

Tôi xin gửi thư này hồ sơ của tôi như
Bà cứu xét và xin danh hồi tơn ý của Bà.

Nếu được chấp thuận lại Bà cấp cho giấy phép
tôi mới có thể xuất trình để lập hồ sơ phía VN.

Cười thay xin chân thành cảm ơn Bà trước và
xin biết cảm Bà cũng rất cao quý, quyết định
bà sẽ luôn mới tiến may mắn.

Xin bà cho phép tôi hỏi thăm chú Thu bây
giờ ở đâu? Năm 1970 tôi có làm việc ở Ty
Thủ Vụ Sặt về cùng với Thu, Thẩm, Chấn Sơn.

Kính thư

Luc

Kính liệt kê

1. Đơn xin vào to Khẩu + 1 ODP. (2)
2. 4 bản khai sinh (4)
3. Xếp nhân Cao lao của Nguyễn Minh Nguyệt (4)
4. Giấy chứng nhân Cao lao Nguyễn Thị Liên (1)
5. (2) Khai sinh, chứng chỉ tốt nghiệp QP. ca nhân
thực chủ hộ của Nguyễn Minh Nguyệt / bị hồ
sơ Hạng Cao lao bị mất hết (2)
6. Chứng nhân kết hôn (4)
7. Khai tử (1)
8. Tổ khai Tuyên thệ quan hệ thân nhân
Phi Hoa Kỳ (Affidavit of Relationship) (1)

Địa chỉ lưu lạc thủ từ:

Nguyễn Thị Liên
Số 232 Nguyễn Thị Minh Khai Thới Bình
South Việt Nam

AFFIDAVIT OF RELATIONSHIP
to be completed by relative/friend in USA

I

YOUR NAME CAT SY, CU YOUR ALIEN STATUS IS: American citizen
DATE OF BIRTH 02-10-1931 U.S. CITIZEN Number: 11016439
PLACE OF BIRTH VIET NAM PERMANENT RESIDENT ☐ A#
ADDRESS IN USA REFUGEE ☐ A#
DATE OF ENTRY INTO USA 04 30 1975 mo. day year
FROM WHICH COUNTRY? VIET NAM
TELEPHONE NO. (HOME) VOLUNTARY AGENCY WITH WHICH YOU ARE NOW
(WORK) IN CONTACT U.S. C.C.

II

INFORMATION ON APPLICANTS IN VIETNAM

Important:

* The Principal Applicant (P.A.) is your closest relative to be considered for US entry.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (P.A.) NGUYEN THI LIEN
ADDRESS IN VIETNAM 17 NGUYEN THI MINH KHAI THI XA TRA VINH
HAVE YOU FILED IMMIGRANT VISA PETITIONS? CATEGORY?
DATE AND PLACE OF FILING
DOES P.A. HAVE VIETNAMESE EXIT PERMIT? YES NO X NUMBER?

I AM THE: HUSBAND ☐ WIFE ☐ PARENT ☐ CHILD ☐ BROTHER ☐ SISTER ☐

OTHER FRIENDSHIP OF THE PRINCIPAL APPLICANT.
(Specify)

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH mo/da/yr	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
1. <u>NGUYEN THI LIEN</u>	<u>01.07.35</u>	<u>TRA VINH</u>	<u>F</u>	<u>W</u>	<u>Principal Applicant</u>	<u>17 NGUYEN THI MINH KHAI THI XA TRA VINH VIET-NAM</u>
2. <u>NGUYEN MINH TAM</u>	<u>09.30.59</u>	<u>-</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>	
3. <u>NGUYEN MINH HOANG</u>	<u>05.08.62</u>	<u>-</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>	
4. <u>NGUYEN VAN HOANG</u>	<u>11.19.67</u>	<u>-</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>	
5. <u>NGUYEN THI PHUONG</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>daughter</u>	
6. <u>TRAM</u>	<u>02.22.75</u>	<u>-</u>				
7.						
8.						
9.						
10.						
11.						
12.						
13.						
14.						

III

FAMILY TREE

The information below relates to you, the USA relative.

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

NAME	SEX (circle one)	DATE OF BIRTH mo/day/yr.	COUNTRY OF BIRTH	MARRIED? (circle one)	LIVING/ DEAD?	ADDRESS
A. Your husband/wife						
	M/F			Yes/No		
B. My former husband/wife						
NGUYEN THI LIEN	M/F	06.07.35	VIET NAM	Yes/No	Living	17 NGUYEN THI MINH KHAI THI XA TRA VINH, VIET-NAM.
	M/F			Yes/No		
C. My children						
NGUYEN MINH TAM	M/F	09.20.59		Yes/No		
NGUYEN MINH HOANG	M/F	05.28.62		Yes/No		
NGUYEN HAN HUNG	M/F	11.19.67		Yes/No		
NGUYEN THI PHUONG	M/F			Yes/No		
2. TAM	M/F	02.22.75		Yes/No		
	M/F			Yes/No		
D. Your parents						
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
E. Your brothers/sisters						
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		
	M/F			Yes/No		

NOTARIZATION

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

[Signature]
Signature of Applicant

Subscribed and sworn to me

this 10 day of October, 19 90

[Signature]
Signature of Notary

My commission expires: 4/1/92

SPECIAL OF NOTARY

NOTE: If you are a your 1-34 (refugee) completed affidavit

[Signature]

ident Alien, please attach a copy of it Resident Alien) green card to the Naturalization Certificate.

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ

VĨNH BÌNH

(GRILLE DU TRIBUNAL DE

Làng Song-lộc (Trà Vinh)

DẪN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Vietnam)

NĂM 1935
(Année)

SỐ HIỆU 3
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít
(Nom et prénom de l'enfant)

Nguyễn Thị Liên

Nam, nữ
(Sexe de l'enfant)

Nữ

Sinh ngày nào
(Date de naissance)

Ngày 7 Janvier 1935

Sinh tại chỗ nào
(Lieu de naissance)

Làng Song-lộc

Tên, họ cha
(Nom et prénom du père)

Nguyễn Văn Ngọc

Cha làm nghề gì
(Sa profession)

Instituteur

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Làng Long-đức (Trà Vinh)

Tên, họ mẹ
(Nom et prénom de la mère)

Lương Thị Thơm

Mẹ làm nghề gì
(Sa profession)

Ménagère

Nhà cửa ở đâu
(Son domicile)

Làng Long-đức (Trà Vinh)

Vợ chánh hay thứ
(Son rang de femme mariée)

Vợ Chánh

Chứng tỏ
(Neus)

Việp-Văn-Tý
Vĩnh Bình

Chánh-án Toà
(President du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifications l'authenticité de la signature de)

Ông Phan-Vũ-Thường
(M.)

Chánh-Lục-sư Tòa-án ở tại.
(Greffier en Chef du Tribunal).

Trích y bản chánh.
(Pour extrait conforme),



ngày 26 - 6 - 1968

CHÁNH LỤC-SƯ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Vĩnh Bình, ngày 26 - 6 - 1968

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT).

Giá trị
(Cote)
Biên-lai
(Quittance)

3683 / 3 KB

Lợi

số C3. / 91

((Á C N H Ạ N
-+-oOo-+-



II Kn cú vào hồ sơ cải tạo của
đương sự ..NGUYỄN MINH NGUYỆT.....

Sinh năm :19-08-1926.....

Sinh quán: Xã Cầu Xuyên, Huyện Cầu Ngang, Tỉnh Bạc Liêu) Mãng trãi

TRÚ quán : ..17. Nguyễn Trãi, Quận Khố, Huyện I Hố xã Trà Vinh

Cấp bậc, chức vụ cuối cùng trong chế độ cũ
.....Chức Sĩ, Phó, Kinh Tế, Trại Trà Vinh.....

Đương sự có tập trung học tập cải tạo
tại Đoàn Cải tạo Bến Ngự, Trại Cải tạo...

từ ngày ..02/07/75 đến ngày ..04/02/1981

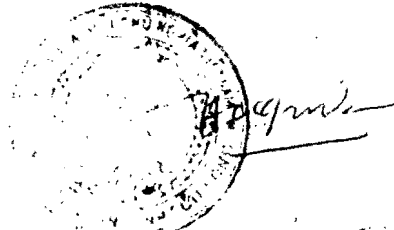
Quyết định tập trung cải tạo số ..1.910....

Của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cầu Ngang do ông Nguyễn Chu Tịch
.....Điền Văn Minh.....ký ngày ..10/04/78.

/)/ay cơ quan hồ sơ xác nhận cho
.....Nguyễn Văn Xích.....Điền Văn Minh.....Điền Văn Minh.....
để làm thủ tục hồ sơ ./.

/)/ gây 04 tháng 04 năm 1991

P. TRƯỞNG PHÒNG HỒ SƠ.



Nguyễn Thị Hồng Thi

ỦY-BAN QUÂN-QUẢN
THỊ-XÃ TRÀ - VINH
TIỂU BAN AN-NINH NỘI-CHÍNH

CỘNG-HÒA MIỀN-NAM VIỆT-NAM
ĐỘC-LẬP DÂN-CHỦ HÒA-PHÌN TRUNG-LẬP

5 IẤY CHỨNG NHẬN
-o-o-o-

ỦY-BAN QUÂN-QUẢN THỊ-XÃ TRÀ-VINH CHỨNG NHẬN :
Nguyễn Thị Liên sinh năm 1935 Sinh quán tại xóm _____
_____ ấp _____ xã Song Loe Huyện (Quận) Chau Chanh
Tỉnh Gravinh cư trú tại số nhà 14 Khóm II Thửa _____
_____ đường phố Le Quang Diem Tỉnh (hoặc Ấp) _____
xã Long Dai Quận Chau Chanh Tỉnh Gravinh.

Trước đây công tác với dịch ở cơ quan Bu Chué Vu
Đơn vị _____ Giữ chức vụ Chở Rủ Trười Ba
Cấp bậc _____.

Đã trình diện tại cơ-quan Bu Chué Vu Gravinh
ngày 1 tháng 5 năm 1975. Đã giao nộp Sổ tài hộ số, căn cước
quân sự 3000 theo thủ tục và đã được giáo dục học
tập chính sách của Cách-Mạng từ ngày 21 đến ngày 27 tháng 6 n
1975.

Xét sự hối cải và nguyện vọng của Nguyễn Thị Liên
Ủy-Ban Quân-Quản Thị-Xã Trà-Vinh chứng nhận cho Chi
được trở về cư-ngụ tại h 343/H2 Nguyễn Minh Chiêu
Khố nhuan gia đình.

Khi về đến địa-phương phải xuất trình giấy tờ chứng
nhận với Chánh-Quyền Cách-Mạng tại, nơi cư-trú, chấp hành đúng các
chỉ-trị, chính-sách quy-định của Chính-Quyền địa-phương và thực
sự làm ăn lương thiện, đóng góp công sức cho lợi-ích Cách-Mạng tại
địa-phương.-

Ngày 28 tháng 6 năm 1975

TM. ỦY BAN QUÂN-QUẢN THỊ-XÃ TRÀ-VINH
TIỂU-BAN AN-NINH NỘI-CHÍNH,

VINH

THẠCH-NHÂN

Số hiệu 175

KHAI-SANH

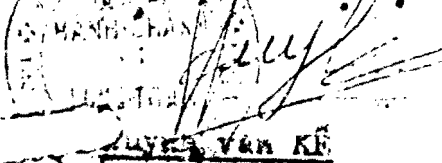
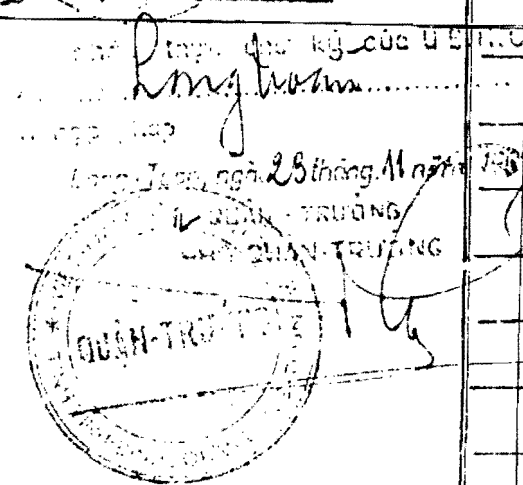
Ấu nhi: (tên họ)	NGUYỄN-văn-HÙNG
Phái:	Nam
Sinh ngày, tháng, năm:	ngày 19 tháng II năm 1967.
Tại:	Long-Toàn
Cha: (tên họ)	
Tuổi:	
Nghề-nghiep:	
Cư-trú tại:	
Mẹ: (tên họ)	NGUYỄN-thị-LIÊN
Tuổi:	32 tuổi
Nghề-nghiep:	Nội trợ
Cư-trú tại:	Long-Toàn
Vợ (chánh hay thứ)	
Người khai:	THẦN-văn-RỬ
Tuổi:	19 tuổi
Nghề-nghiep:	Quân Nhân
Cư-trú tại:	Long-Toàn.
Ngày khai:	Ngày 22 tháng II năm 1967
Người chứng thư nhất: (tên họ)	NGUYỄN-văn-KHẮN
Tuổi:	31 tuổi
Nghề-nghiep:	Làm ruộng
Cư-trú tại:	Long-Toàn.
Người chứng thư hai: (tên họ)	VŨ-văn-LĂNG
Tuổi:	30 tuổi
Nghề-nghiep:	Làm ruộng.
Cư-trú tại:	Long-Toàn.

CHỨNG THẬT :

Trích y Bộ-chánh khai-quanh
của Xã LONG-TOÀN.

LONG-TOÀN, ngày 23.II.1967.

Chủ-tịch, kiêm Hộ-tịch,

NGUYỄN MINH NGUYỆT

Phó Quận trưởng Long Toàn

Làm tại LONG-TOÀN ngày 22 tháng II năm 1967-

Người khai,

Hộ-lại

Nhân-chứng.

THẦN-văn-RỬ
(ký tên)HUYNH-văn-KẾ
(ấn ký)NGUYỄN-văn-KHẮN
(ký tên)VŨ-văn-LĂNG
(ký tên)

- - + + + + - -

Họ Tên : NGO - THE - TAI
Sinh : 1949 tại : Long-Duc
căn cước số : 01307723 ngày : 14-3-1969
Cấp tại : Vinh-Nhân
Địa chỉ : TỈNH-Đoàn CB/PTNT Vinh-Bình

TÌNH-TRẠNG QUÂN-DỊCH

- Thuộc lớp tuổi nhập ngũ.- Tam thời được triển hạn
nhập ngũ để phục vụ CB/PTNT Tỉnh Vinh-Bình. Do DS số
003223/TDCB/VB/QTNS ngày 09-12-1971.

Số 411245/SDVL/QĐ3/CB

Có hiệu lực đến : Ba mươi một tháng mười hai năm
một ngàn chín trăm bảy mươi hai (31-12-1972)

KBC.3576, ngày 30 Th. 12. 1971

Trung-Tá LƯƠNG-VAN-KÍNH

Chánh Sự-Vụ Sở Động-Viên L

(ẤN KÝ)

Gia hạn đến :

KBC

, ngày

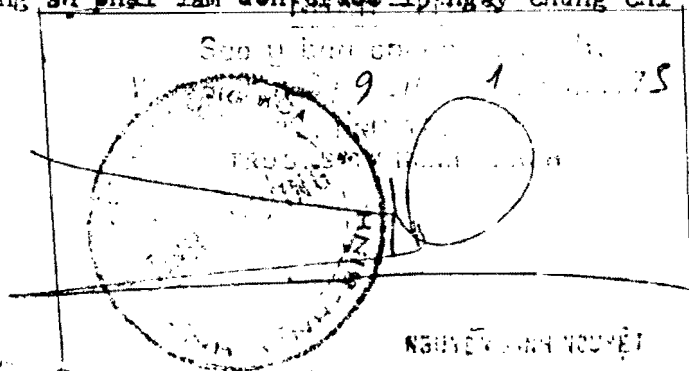
Số 411245 /SDVL/QĐ3/CB

MẤU
01.01.71

QB-772C (THAY THẾ MẤU 772B ngày 15.9.70)

E 01.71.TTALAP.O.06

- CHÚ Ý :
- 1- Xuất trình bản chính cho cơ-quan công lực khi xét hỏi.
 - 2- Chứng chỉ này chỉ cấp 1 bản, có thể dùng bản sao có thị thực để bổ túc hồ sơ hành chánh trong các dịch vụ thông thường.
 - 3- Nếu muốn xin tái cấp, đương sự phải làm đơn trước 15 ngày chứng chỉ này hết hiệu lực.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN
KẾT HÔN

Tỉnh, Thành phố

Cần-long

Quận, Huyện

Thị-xã Trà-vinh

Xã, Phường **2**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

Quyển số ... **I** ...

Số ... **43** ...

CHỨNG NHẬN KẾT HÔN

Họ và tên người vợ **Nguyễn-thị-Liên**

Sinh ngày **7.1.1935**

Quê quán **Song-lộc, Trà-vinh**

Nơi đăng ký thường trú **Số 17 Phường 2**

Thị-xã Trà-vinh

Nghề nghiệp **Thợ may**

Dân tộc **Kinh** Quốc tịch **Việt-Nam**

Số CMND hoặc Hộ chiếu **330071751**

Nguyễn-minh-Nguyệt

Họ và tên người chồng

Sinh ngày **19.8.1926**

Quê quán **An-xuyên, Cà-mau**

Nơi đăng ký thường trú **Số 17 Phường 2**

Thị-xã Trà-vinh

Nghề nghiệp

Dân tộc **Kinh** Quốc tịch **Việt-Nam**

Số CMND hoặc Hộ chiếu

Kết hôn ngày tháng năm **1957**

Chữ ký người vợ

Chữ ký người chồng

[Handwritten signature]

Chứng nhận này thay thế
hôn thú số ghi năm 1954
bị thất lạc



Thị-xã Trà-vinh

Quốc-tịch,

[Handwritten signature]
Trà-vinh

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT.12

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xã, phường
Huyện, quận Đô. Vĩnh ..
Tỉnh, thành phố Lưu. Long ..

Số 13 ..

Quyển số 1 ..

GIẤY CHỨNG TỬ

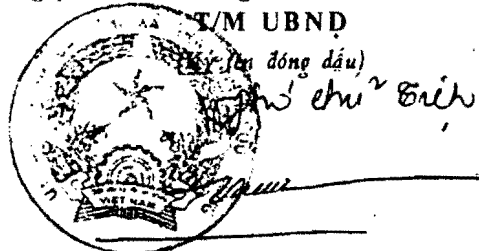
Căn cứ giấy báo tử số 13 .. ngày 05 .. tháng 09 .. năm 1989 ..
Của người (hoặc cơ quan) báo tử Đoàn. Văn. Kiên ..
Nơi thường trú 23.2. Khóm 8. Phường 7. Thị xã. TV. ..
Số giấy chứng minh hoặc hộ chiếu 330071751 ..
Quan hệ với người chết Con ..

NAY CHỨNG TỬ:

Họ và tên người chết Đoàn. Văn. Nguyệt .. Nam, nữ nữ ..
Sinh ngày .. tháng .. năm 1926 ..
Dân tộc Khmer .. Quốc tịch Việt Nam ..
Nơi thường trú 23.2. Khóm 8. Phường 7. Thị xã. TV. ..
Chết ngày 03 .. tháng 12 .. năm 1988 ..
Nơi chết Hai. nhà ..
Nguyên nhân chết Bệnh lâu. biến. mất. máu. não? ..

Việc mai táng phải tiến hành chậm nhất trong vòng 24 giờ kể từ khi chết, trừ trường hợp có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền theo luật định.

Ngày 05 .. tháng 09 .. năm 1989 ..



Đoàn. Văn. Kiên

TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 25 tháng 2 năm 1975

Quận **Châu Thành**

Kö **Phước-Vinh**

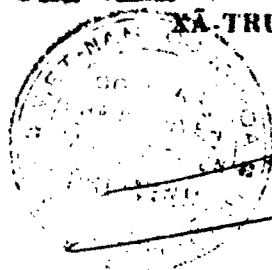
Số hiệu **282**



Tên họ đứa trẻ : **NGUYỄN THỊ PHUOC TRẦN**
Con trai hay con gái : **hai đứa hai tháng hai năm một**
Ngày sanh : **ngày chín trên bảy mươi lăm (22-2-75)**
Nơi sanh : **Phước-Vinh (Vinh-Bình)**
Tên họ người cha : **/**
Tên họ người mẹ : **NGUYỄN THỊ LIÊN**
Vợ chánh hay không có hôn thú : **/**
Tên họ người đứng khai : **TRẦN THỊ MINH**

TRÍCH LỤC Y BẢN CHÁNH

Phước-Vinh ngày 3 tháng 3 năm 1975
XÃ-TRƯỞNG kiêm HỘ-TỊCH,



VÔ VĂN PHƯỚC
Xã - Trưởng

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP

Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH-BÌNH

(GREFFE DU TRIBUNAL DE



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Phủ-Vinh(Vinh-Bình)

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1959
(Année)

SỐ HIỆU 1308
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-minh-Tam
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 30 tháng 9 năm 1959
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phủ-Vinh
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-minh-Nguyệt
Cha làm nghề gì (Sa profession)	33 tuổi, Thư-ký hành-chánh
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phủ-Vinh Vinh-Bình
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Liên
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	24 tuổi, Thư-ký
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phủ-Vinh
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh H.T số 194

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier ou Chef dudit Tribunal)

ngày 196

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

Trích y bốn chánh,
(trois extraits conformes)

Vinh-Bình ngày 15/10/1968

CHÍNH-LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Giá tiền: 5000
(Coût)

Biên-lai số: 7566/10XB
(Quittance N°)

Phát:

BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Long-Toàn(Vinh-Anh)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN
(Sud Viet - Nam)

NĂM 1967
(Année)

SỐ HIỆU 175
(Acte No)



Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-văn-Hùng
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 19 tháng 11 năm 1967
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Long-Toàn
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	////////////////
Cha làm nghề gì (Sa profession)	////////////////
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	////////////////
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Liên
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Kỹ trợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Long-Toàn
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	////////////////

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

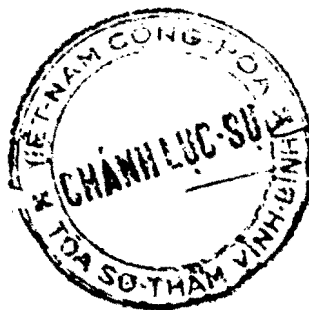
chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(attestons l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef du Tribunal)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Vinh-Bình, ngày 27/10/71 19...
CHÁNH LỤC-SỰ
LE GREFFIER EN CHEF



Võ-văn-ai

Giá tiền: 150
(Coût)

Biên-lai số: 66277
(Quittance N°)

Ngân

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
République du Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH-BÌNH

(GREFFE DU TRIBUNAL DE



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Phủ-Vinh(Vinh-Bình)

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1962
(Année)

SỐ HIỆU 871
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-minh-Hoàng
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 8 tháng 5 năm 1962
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Bao-sanh Bưu-Hòa Vinh-Bình
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-minh-Nguyệt
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Thư-ký
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phủ-Vinh
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Liên
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Thư-ký
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phủ-Vinh
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh H.T số: 74

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

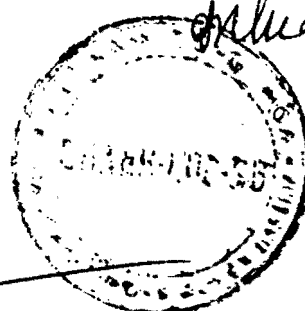
Chánh-Lục-sự Toà-án sơ tại
(Greffier en Chef du Tribunal)

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT),

Trích y bốn chánh,
(Pour extrait conforme)

Vinh-Bình ngày 15/10/ 196 8

CHÁNH LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF,



Giá tiền: 5000
(Coût)

Biên-lai số: 7566/10X8
(Quittance N°)

Phát:

APPLICATION AND AFFIDAVIT
Đơn Xin Và Tờ Khai

SPECIAL RELEASED REEDUCATION CENTER DETAINEES RESETTLEMENT PROGRAM

Chương Trình Đặc Biệt Tái Định Cư Những Người Được Thả Từ Các Trung Tâm Cải Tạo

NAME/Tên NGUYỄN-THỊ-LIÊN DATE OF BIRTH/Ngày Sinh 01-01-1935
SEX/Phái Female PLACE OF BIRTH/Nơi Sinh Sông Lô Trại Cải tạo Tỉnh Sơn
PARENTS/Cha mẹ: (LIST LIVING AND DECEASED AND STEP PARENTS/liệt kê cả người sống lẫn chết và bà má kế)

NAME/RELATIONSHIP Tên /liên-hệ	BIRTHDATE / Ngày-sinh /	BIRTHPLACE / Nơi-sinh /	PRESENT LOCATION / Nơi cư-trú hiện tại
Nguyễn Văn Ngọc Father	1909	Trà Vinh	dead
Giồng Thôn Mother	1911	Trà Vinh	1 Nguyễn Thị Minh Khai Trà Vinh Cải tạo Province

SPOUSE[s]/vợ/chồng: (BE SURE TO DECLARE ALL LIVING, DIVORCED AND DECEASED/nhớ kê tất cả người đang sống chung, đã ly dị và đã chết)

NAME/RELATIONSHIP Tên /liên-hệ	BIRTHDATE / Ngày-sinh /	BIRTHPLACE / Nơi-sinh /	PRESENT LOCATION / Nơi cư-trú hiện tại
Nguyễn Minh Nguyệt Husband	1926	An Xuyên Cao Mau	dead

CHILDREN/con cái: (BE SURE TO DECLARE ALL LIVING, ADOPTED AND DECEASED/nhớ kê tất cả người đang sống lẫn chết và con nuôi)

NAME/RELATIONSHIP Tên /liên-hệ	BIRTHDATE / Ngày-sinh /	BIRTHPLACE / Nơi-sinh /	PRESENT LOCATION / Nơi cư-trú hiện tại
Nguyễn Minh Tâm Son	30/1/59	Trà Vinh	239 Nguyễn Thị Minh Khai
Nguyễn Minh Hoàng Son	08/05/61	- id -	Trà Vinh Cải tạo Province
Nguyễn Văn Hưng Son	19/11/61	- id -	- id -
Nguyễn Thị Phương Trâm Daughter	22/02/75	- id -	- id -

SIBLINGS/Anh chị em: (BE SURE TO DECLARE ALL OF YOUR LIVING, DECEASED, HALF AND STEP SIBLINGS/nhớ kê tất cả người sống lẫn chết, anh em một cha khác mẹ hoặc một mẹ khác cha, anh em kế)

NAME/RELATIONSHIP Tên /liên-hệ	BIRTHDATE / Ngày-sinh /	BIRTHPLACE / Nơi-sinh /	PRESENT LOCATION / Nơi cư-trú hiện tại
NONE			

ARE YOU PRESENTLY MARRIED OR HAVE YOU EVER BEEN MARRIED/Đã kết hôn hay đã từng lập gia đình chưa? MARRIED

(FEMALES ONLY/Chỉ cho phái nữ) ARE YOU PREGNANT/Đang có bầu không? NO

PERIODS IN REEDUCATION CAMP/Thời gian ở Trại Cải tạo

LIÊN/TH/ 30-4-75 TO/Đến 7-5-75 LOCATION OF CAMP/Địa điểm Trại in place (tại chỗ)
NGUYỄN/TH/ 03-6-75 TO/Đến 11-2-81 LOCATION OF CAMP/Địa điểm Trại in BẾN GIÁC Camp

DATE OF FINAL RE-EDUCATION RELEASE/WHEN // Ngày cuối cùng được thả ra/khi nào

PERSONAL HISTORY/Tiểu-sử Cá nhân:

PLEASE GIVE YOUR COMPLETE WORK HISTORY SINCE THE AGE OF 16 STARTING WITH YOUR MOST RECENT OCCUPATION. PLEASE GIVE AS ACCURATE A JOB DESCRIPTION AS POSSIBLE. Xin cho biết một cách đầy đủ các việc làm của bạn kể từ lúc bạn 16 tuổi bắt đầu bằng những công việc (công-lao-nghịệp) mới nhất. Xin viết bạn mô tả công việc (JOB DESCRIPTION) càng xác thực càng tốt.

DATES OF EMPLOYMENT/Ngày nhận việc 1/2/1956 to 30/4/1975 NAME OF EMPLOYER/Tên công ty Inspection Vinh Binh Province
LOCATION/Địa điểm (Tòa Hải Chấn)
JOB TITLE/Chức vụ Secretary (Thư ký) DUTIES/Nhiệm vụ Take Service Vinh Binh Province
Vinh Long, Sadec Province

DATES OF EMPLOYMENT/Ngày nhận việc NAMES OF EMPLOYER/Tên công ty
LOCATION/Địa điểm - 1951 to 1956 - College Quilong Saigon
JOB TITLE/Chức vụ DUTIES/Nhiệm vụ - 1956 to 1975 - Secretary
30/4/75 to 7/5/75 - Reeducation in Place
7/5/75 Present - Tailor

DATES OF EMPLOYMENT/Ngày nhận việc NAMES OF EMPLOYER/Tên công ty
LOCATION/Địa điểm
JOB TITLE/Chức vụ DUTIES/Nhiệm vụ

EDUCATION/Trình độ học vấn:

NAMES OF EDUCATIONAL INSTITUTIONS ATTENDED / DATES TO/FROM
Tên các trường bạn đã theo học / Ngày tháng từ / đến
- Elementary School Tre Vinh / 1946 to 1951
- College Quilong Saigon / 1952 to 1956

HAVE YOU EVER SERVED IN THE MILITARY? // Bạn đã từng phục vụ trong quân-dội bao giờ chưa?

MILITARY SERVICE/Lịch-trình phục-vụ quân đội

DATES TO-FROM/Ngày tháng từ/đến UNIT-LOCATION/Đơn-vị Địa điểm RANK/Cấp bậc

THIS IS TO VERIFY THAT THIS INFORMATION IS CORRECT AND COMPLETE TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE. I ALSO PROMISE TO INFORM THE U.S. IF MY MARITAL STATUS CHANGES BEFORE I LEAVE VIETNAM./Tôi xin xác nhận đây là những lời khai đúng và đầy đủ nhất theo sự hiểu biết của tôi. Tôi cũng xin hứa sẽ báo tin cho đại diện của U.S. nếu tình trạng hôn-nhân của tôi thay đổi trước khi tôi rời Việt-Nam.

SIGNED/Ký tên

DATE/Ngày 24/05/1991

PERSONAL HISTORY / JOB DESCRIPTION

Name : NGUYỄN-THỊ-LIÊN DOB 7.01.1935 POB Song Lộc, Trà-Vinh (CL)

Present location : 17 Nguyễn-Thị-Minh-Khai St., TRAVINH city -
CUU-LONG Province.

Date of employment	Job Title and Name of Employer / Service with RG/VN	REMARKS
- 7.5.75 - Present	- Tailor (Self sufficient), TRAVINH city:	
- 30.4.75 - 7.5.75	- Reeducation in place (Cải tạo tại chỗ)	
- 1968 - 30.4.75	- Tax provincial Service / Vĩnh Bình (Ty Thuế Vụ)	: Tax Secretary
- 1967 - 1968	- Tax provincial Service/SADEC province:	-id-
- 1957 - 1967	? - Tax provincial Service/ Vĩnh Bình province	: -id-
- 1956 - 1957	- Administration office of VB province	Administration Secretary
- 1952 - 1956	- Student (College GiaLong / SAIGON)	:

REFERENCES :

- CATSY, CU, friendship 18325 SWAN STREAM DRIVE
GAITHERSBURG MD. 20877 - USA.

TEL : Home :

Work :

- PHƯƠNG NGUYỄN, friendship

CONN. 06108 - USA

PERSONAL HISTORY / JOB DESCRIPTION

Name : NGUYỄN-MINH-NGUYỄN DOB 1929 POB AN-XUYEN (CAMAU)

Present location : (dead)

Date of employment :	Job Title and Name of Employer / Service with RG/VN :	REMARKS
- 03.12.1988	: - dead	: Reference : : death : certificate
- 05.12.81-2.12.88	: - farmer	:
- 30.4.75 -4.12.81	: - Reeducation in Bến Giã camp	: Release : certificate
- 1947 - 30.4.75	: - Serving with GVN/SAIGON	:
	: <u>Function</u> :	
	: - Economic control office chief / VB	:
	: province	:
	: - Deputy District chief of Long Toàn,	:
	: Cầu-Ngang, Châu-Thành district	:
	: VB province.	:
	: - Economic provincial Service chief	:
	: VB province.	:
	: - Secretary, Administration office of	:
	: Gia Định P2	:
- 1940 - 1947	: - Student	:

PERIOD IN REEDUCATION CAMP

- From 3.6.75 to 4.12.81 (05 years 06 months and be put under surveillance 12 months).
- Location of camps : Bến Giã (Cầu-Long province)
- Date of final reeducation release/when : 04.12.1981

REFERENCES

- CAESY, CU, friendship I8325 SWAN STREAM DRIVE GAITHERSBURG MD. 20877-USA.
TEL : Home :
work :
- PHƯƠNG NGUYỄN, friendship

CONN. 06108 - USA.

QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANTS
CÂU HỎI CHO NGƯỜI NỘP ĐƠN

ODP IV #

Date: _____
Ngày: _____

Fill out this questionnaire in English as completely as possible. If you cannot read or write in English, fill it out in Vietnamese.

Mail or send the completed questionnaire to:
Gửi số câu hỏi này tới:

Xin điền vào số câu hỏi sau đây bằng tiếng Anh càng nhiều càng tốt. Nếu bạn không đọc hoặc viết rành Anh-ngữ thì bằng tiếng Việt.

127 Panjabum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120
Thailand

A. Basic Identification Data/Lý lịch căn bản

1. Name
Họ, tên : NGUYỄN THỊ LIÊN * Sex: FEMALE
Phái
2. Other Names
Họ, tên khác : NONE
3. Date/Place of Birth
Ngày/Nơi Sinh : 07.01.1935 TRÀ VINH, CỬU LONG PROVINCE (S/VN)
4. Residence Address
Địa-chỉ thường-trú : 17 Nguyễn Thị Minh Khai Street, TRÀ VINH City, CỬU LONG PROVINCE (S/VN)
5. Mailing Address
Địa-chỉ thư-từ : TRẦN THỊ MINH 1009 M RAYMOND #5 PASADENA CA 91103 USA
Nguyễn Thị Liên 232 Nguyễn Thị Minh Khai Thị xã Trà Vinh
6. Current Occupation
Nghề-nghiep hiện tại : Tailor

B. Relatives To Accompany Me/Bà con cùng đi với tôi

(NOTE: Your spouse and unmarried children are the only relatives eligible to accompany you. List marital status (MS) as follows: Married (M), Divorced (D), Widowed (W), or Single (S).)
(Chú-y: Vợ/chồng và con cái có thể cùng đi với bạn mà thôi. Kể khai tình trạng gia-dình như sau: Đã lập gia đình (M), đã ly dị (D), góa phụ/góa thê (W), hoặc độc thân (S))

Name Họ, Tên	Date of Birth Ngày/Tháng/Năm sinh	Place of Birth Nơi sinh	Sex Phái	MS Tình trạng gia đình	Relationship Liên-hệ gia-dình
1. NGUYỄN MINH TÂM	30/09/1959	TRÀ VINH City	M	M	Son
2. NGUYỄN MINH HOÀNG	08/05/1962	TRÀ VINH City	M	S	Son
3. NGUYỄN VĂN HÙNG	19/11/1967	TRÀ VINH City	M	S	Son
4. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM	22/02/1975	TRÀ VINH City	F	S	Daughter
5.					
6.					
7.					
8.					
9.					
10.					
11.					
12.					

(NOTE: For the persons listed above, we will need legible copies of birth certificates, marriage certificates (if married), divorce decrees (if divorced), spouse's death certificate (if widowed), identification cards (if available), and photos. If any of the above accompanying relatives do not live with you, please note their addresses in Section I below.)

(CHÚ-Y: Cho mỗi người có tên trên danh sách trên, chúng tôi cần một bản khai-sinh, giấy-thú (nếu lập gia-dình rồi), giấy ly hôn (nếu đã ly dị), giấy khai-tử của vợ/chồng (nếu góa phụ/góa thê), thẻ căn cước (nếu có), và hình. Nếu bà-con sẽ cùng đi với bạn không chung-ngủ với bạn hiện tại, xin viết địa-chỉ của họ trong phần I.)

- * Wife of NGUYỄN MINH NGUYỄN (Dead) , is political prisoner
- DOB 1926 POB An Xuyên (CÁ MAU)
 - Serving with GVN/SAIGON From 1955 To 30/04/1975
 - Last Rank/ Function : Administration, Clerk, Economic Bureau Chief
(Economic SERVICE Vinh Binh PROVINCE)
 - Time in re-education : From 03/06/1975 To 04.02.1981
(05 years 08 months, in BẾN GIÀ CAMP)

C. Relatives Outside Vietnam/Họ/Bà con ở Ngoại Quốc

Of Myself/của tôi

Of My Spouse/của vợ/chồng

1. Closest Relative In the U.S.
Bà con thân thuộc nhất ở Hoa-Kỳ

a. Name
Họ, Tên : TRẦN THỊ MINH

CATSY CH

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : Niece

Friend

c. Address
Địa-chỉ : _____

d. Date of Relatives Arrival
in the U.S.
Ngày bà con đến Mỹ : _____

2. Closest Relative in Other Foreign Countries,
Bà con Thân-thuộc nhất ở các nước khác

a. Name
Họ, tên : _____

b. Relationship
Liên-hệ gia-đình : _____

c. Address
Địa-chỉ : _____

D. Complete Family Listing (Living/Dead)/Danh Sách Toàn-Thê Gia-Đình (Sống/Chết)

1. Father
Cha : NGUYỄN VĂN NGOC (Dead)

2. Mother
Mẹ : LƯƠNG THỊ THOM (Living)

3. Spouse
Vợ/Chồng : NGUYỄN MINH NGUYET (Dead)

4. Former Spouse (if any),
Vợ/Chồng trước (nếu có): _____

5. Children
Con cái: (1) NGUYỄN MINH TAM (Living)
(2) NGUYỄN MINH HOANG (Living)
(3) NGUYỄN VĂN HUNG (Living)
(4) NGUYỄN THỊ PHUONG TRAM (Living)
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____

6. Siblings
Anh chị em: (1) _____
(2) _____
(3) _____
(4) _____
(5) _____
(6) _____
(7) _____
(8) _____
(9) _____

E. Employment by U.S. Government Agencies or Other U.S. Organization or You or Your Spouse/Ban hoặc vợ/chồng đã có làm việc cho công sở của chính phủ Mỹ hoặc hãng Mỹ

1. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm-việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

2. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời-gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý-do nghỉ-việc : _____

3. Employee Name
Tên họ nhân-viên : _____

Position title
Chức-vụ : _____

Agency/Company/Office
Sở/Hãng/Văn-Phòng : _____

Length of Employment From: _____ To: _____
Thời gian làm việc Từ _____ Đến _____

Name of American Supervisor
Tên họ giám-thị Mỹ: _____

Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____

F. Service with GVN or RVNAF By You Or Your Spouse/Ban hoặc Vợ/Chồng Bà Công-vụ với Chính-phủ Việt-Nam (WIFE-) (My Husband, DECEASED)

1. Name of Person Serving
Họ tên người tham-gia: NGUYỄN THỊ LIÊN NGUYỄN MINH NGUYỆT

2. Dates: From: 1956 To 30.04.75 To: Fr: 1955 To 30.04.1975
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến _____ Từ _____ Đến _____
Administration, Clerk

3. Last Rank
Cấp-bậc cuối-cùng: Force Secretary Serial Number: (Chief Bureau Economic Control)
Số thẻ nhận-việc: Interior Ministry

4. Ministry/Office/Military Unit
Bộ/sở/Đồn-Vị Binh-Chung: Inspection Vinh Binh PROVINCE

5. Name of Supervisor/C.O.
Họ tên người giám-thị/sĩ-quan chủ-quy: JE ANH CÔNG Lieutenant Colonel NGUYỄN VĂN SƠN
Tax Service Chief V. Binh Vinh Binh PROVINCE Chief

6. Reason for Separation
Lý do nghỉ việc : _____
7. Names of American Advisor(s):
Họ tên cố vấn Mỹ : _____
8. U.S. Training Courses in Vietnam:
Chương-Trình huấn-luyện Hoa-Kỳ
tại Việt-Nam : _____
9. U.S. Awards or Certificates
Name of award: _____ Date received: _____
Phân-thưởng hoặc giấy khen: _____ Ngày nhận: _____

(NOTE: Please attach any copies of diplomas, awards or certificates, if available. Available? Yes ☒ No ☐)
(CHÚ-Ý: Xin bạn kèm theo bất cứ văn-bằng, giấy ban-khen, hoặc chứng-thủ nếu có. Không có thì ghi không? Có ☐ Không ☒)

G. Training Outside Vietnam of You or Your Spouse/Bạn hoặc Vợ/chồng đã huấn-luyện ở
ngoại quốc

1. Name of Student/Trainee:
Họ tên Sinh-viên/người được huấn-luyện: _____
2. School and School Address :
Trường và địa-chỉ nhà trường: _____
3. Dates: From _____ To _____
Ngày, tháng, năm Từ _____ Đến _____
4. Description of Courses :
Mô-tả ngành học : _____
5. Who paid for training? :
Ai đài-thop chương-trình huấn-luyện? : _____

(NOTE: Please attach copies of diplomas or orders, if available. Available? Yes ☐ No ☒)
(CHÚ-Ý: Xin bạn kèm theo văn-bằng, hoặc chỉ thị nếu có. Bạn có hay không? Có ☐ Không ☒)

H. Re-education of You or Your Spouse/Bạn hoặc vợ/chồng đã học-tập cải-tạo

- | | | |
|--|------------------------|---|
| 1. Name of Person in Reeducation:
Họ tên người đi học-tập cải-tạo : | NGUYỄN THỊ LIÊN (WIFE) | NGUYỄN MINH NGUYỄN (My Husband)
(Deceased) |
| 2. Time in Reeducation: From: 21.06.1975 To: 27.05.1975
Thời gian học-tập Từ: (07 days) Đến: (05 years 08 months) in Bến Giẽ Camp | | |
| 3. Still in Reeducation? * Yes
Vẫn còn học-tập cải-tạo? * Có | NO | NO |

*(If released, we must have a copy of your release certificate.)

*(Nếu được thả, chúng tôi cần một bản sao giấy ra trại.)

I. Any Additional Remarks?/Ghi chú phụ-thuộc

Signature _____ Date 1/9/1990
Ký tên : _____ Ngày: _____

J. Please List Here All Documents Attached to This Questionnaire
Xin nêu ra tất-cả giấy-tờ kèm theo với số câu hỏi này

FROM: NGUYEN THI LIEU



TO: Mrs KHUC MINH THU



Tramh ngày 8 tháng 7 đ. 1991

Hình gửi: Bà Khuê Minh Thò

The Travelers Aid Society of Washington DC.

2 C Street NE

Washington, DC 20002 U.S.A

Ngày 8/8/91

-- Xin gửi Cô Thò,

Hồ sơ của Bà Lân, cháu chi
có nhân lần này là lần tái,
tức tại cháu không có nhân
hồ sơ nào cả. Cháu xin gửi
lại cho cô rõ.

Tu

MHO, TU

nếu tôi đã gửi đến Bà, qua đường bưu
tốt hồ sơ: (Lần 1 năm 1989, lần 2
không có lệ thư thất lạc, nên không
cười Bà.

1. Về lại lần thư 3, kèm theo 1 bài báo
điểm đến chương trình ODP, để xin Bà

Mphien đến và wa giúp đỡ tôi trường hợp như sau:

1. Về lý lịch và trường hợp chết của chồng tôi Nguyễn
Minh Nguyệt

Nguyễn chồng tôi tên Nguyễn Minh Nguyệt sinh năm
1926 tại An Xuyên trước 1975 là công chức của Chánh
Phủ Việt Nam Cộng Hòa, ngạch Tham sự Hành Chánh,
Đường dài có 28 năm thâm niên công vụ (trước 1975).

Từ 1975 đến nay tôi ở tại Thủ Đức tại Tòa Hành Chánh
Địa phương từ năm 1985 chuyển về Vĩnh Bình giữ các
chức vụ Chánh Văn Phòng, Trưởng ty Hành Chánh, Phó Lưu
Trưởng các Quận Long Toàn, Cầu Ngang, Châu Thành và
các đơn vị sau cùng đến 30/4/1975 là Chủ Sở Phòng Kế
Sởat Kinh tế tỉnh Vĩnh Bình. Đường dài đã đi học tập
cải tạo từ 30/4/75 đến 11/2/81 (5 năm 6 tháng) tại
trại cải tạo Bùn lầy Cầu Long và bị giam cầm 2
tháng sau khi thả về.

Vì bị ảnh hưởng khổ cực gần 6 năm tù đày,
mất đi về lại bị giam cầm, nhà cửa bị tịch thu (giấy
hà đất đai) dần dần đi mất hết, phần tài sản nhỏ
hẹp, thiếu dinh dưỡng, phần sức đã yếu nên sau khi
mất tù, chồng tôi dần hồi ngả bệnh và đã chết

- 1 cái giường sắt.
- 1 cái radio National.
- 1 cái bàn nhỏ.

Travinh ngày 8 tháng 7 đ.P. 1991

Hình gửi: Bà Lê Huệ Minh Thở
The Travelers Aid Society of Washington DC.
512 C Street NE
Washington, DC 20002 U.S.A

Thưa Bà Hội Trưởng,

Từ trước đến nay tôi đã gửi đến Bà, qua đường bưu
biến điện VN, 2 đợt hồ sơ: (lần 1 năm 1989, lần 2
ngày 24/5/91) nhưng có lẽ thư thất lạc, nên không
thấy được đáp của Bà.

Nay, tôi xin gửi lại lần thứ 3, kèm theo 1 bài báo
phỏng vấn Ông Giám đốc chương trình ODP, để xin Bà
nghe hiểu và giúp đỡ tôi trường hợp như sau:

1. Về lý lịch và trường hợp chết của chồng tôi Nguyễn
Minh Nguyệt.

Nguyễn chồng tôi tên Nguyễn Minh Nguyệt sinh năm
1926 tại An Xuyên. Trước 1975 là công chức của Chính
Phủ Việt Nam Cộng Hòa, ngạch Tham sự Hành Chánh,
Đương An có 28 năm thâm niên công vụ (từ 1947 đến 30/4/75).

Từ 1975 khi dân làm Thủ ủy tại Tòa Hành Chánh
Địa phương từ năm 1975 chuyển về Vĩnh Bình giữ các
chức vụ Chánh Văn Phòng, Trưởng ty Hành Chánh, Phó Giám
Trưởng các Quận Long Toàn, Cầu Ngang, Châu Thành và
chức Ủy sau cùng. Đến 30/4/75 là Chủ Sở Phỏng kiếm
Sơ bộ Kinh tế tỉnh Vĩnh Bình. Đương An đã đi học tập
cải tạo từ 30/4/75 đến 4/2/81 (5 năm 6 tháng) tại
trại cải tạo Bùn đỏ Cầu Long và bị giam chết 2
tháng sau khi thả về.

Bị bị ảnh hưởng khổ cực gần 6 năm tù đày,
mất tự do, lại bị giam cầm, nhà cửa bị tịch thu (giấy
kh. đất đai) dần dần mất mọi thứ, phần tôi chán nản
hết, thiếu dinh dưỡng, phần sức đã yếu nên sau khi
mất tù, chồng tôi dần hồi ngộ bệnh và đã chết.

ngày 3/12/88 tại Trại binh ở bị binh " tại biên giới
màu nâu"

2. Về lý lịch và hoàn cảnh gia đình (tôi đang đi Nguyễn Thị Đức)
Tôi Nguyễn Thị Đức sinh năm 1935 tại Sông Lát Trại binh
hiện ngụ tại số 232 đường Nguyễn Thị Minh Khai Phường
Thị Xã Trại binh (S/VN) là vợ chồng thức có hai con
bởi có Nguyễn Minh Nguyệt.

Phân cái nhân tôi trước 1975, cũng là công chức
chức độ cũ ngoại Thổ kếp tại Chanh, có 1 năm làm vụ
chấp chủ độ cũ (từ 1/2/1956 đến 30/4/75) Sau ngày 30/4/75
có học tập cải tạo tại chỗ ngục và bị ngli' rồi bị đả.
Tại đây ngày tiếp quản đến nay tôi sống với ngli'
mang và phải nuôi 4 con trong hoàn cảnh nghèo nàn
khó khăn về kinh tế một quá phụ.

Nay tôi muốn lập hồ sơ xin tái định cư tại Ho Chi
Minh HO những phang Xứ Nhảy Cánh Cầu Long phố liệt
"người cải tạo chết trong trại mới được cứu xét con
vợ như binh chết như trường hợp của chúng tôi thì được
được cứu xét" nếu không nhận hồ sơ của tôi và được
tôi phải có 1 giấy hỏi.

Qua chủ dân cũ và 1 số anh em đã được bà giúp đỡ
có kết quả, tôi xin Bà cấp cho tôi 1 giấy giới thiệu
(như giấy hỏi) hoặc 1 văn bản cho nhận cứu xét hỏi
đi có thể xuất trình với Công An Cầu Long xin lập hồ sơ xe

Đi - đây, tôi chỉ còn liệt đất hết ruộng 3 (Bà)
vì tôi ngli' rằng cũng là phải nuôi 4 đứa con "thông
cảm" mỗi năm đau khổ của người quá phụ với 4 con
trước hoàn cảnh khó khăn, nghèo nàn tại Việt Nam

Tôi trong đời tin Bà mới rất cả lòng biết ơn của
tôi và các con.

May kính

Đức

Đức Khen - Bên tại Khen Khen

Đức Khen - Bên tại Khen Khen

232 Nguyễn Thị Minh Khai Phường
Thị Xã Trại binh

T.B. và số hồ sơ 2 lần trước bị mất
lần này tôi nhờ người bạn ở quê chép lại.

TỈNH GIỮ LÔNG
UBND. THỊ XÃ
Trà vinh

Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam
sộc lập Tự do Hạnh phúc

Quyết định số: 29/QĐ

Gần cứ thông báo số: 373/ST-TS Về việc mở đợt tiến hành kiểm kê lại toàn bộ nhà cửa và tài sản của các sĩ quan chế độ cũ còn đang học tập cải tạo ở các trại quân huấn từ đại úy trở lên mà trước đây chưa kiểm kê hoặc đã kiểm kê rồi mà tài sản bị lưu đi nơi khác.

Gần cứ Nghị định số 172 CP ngày 01 tháng 01 năm 1973 của Hội đồng chính phủ và quyền hạn nhiệm vụ được UBND. Tỉnh ủy nhiệm.

UBND. Thị xã Trà vinh quyết định

- Điều I : Nay mở đợt kiểm kê nhứt loạt trong toàn thị xã khởi đầu vào 07 giờ sáng ngày 04 tháng 9 năm 1976.
- Điều II : Khi tiến hành kiểm kê lập biên bản đầy đủ có ký tên, đóng tay chịu trách nhiệm của đương sự, của tổ kiểm kê, có sự chứng nhận của chính quyền địa phương làm thành 03 bản, đương sự giữ 01 bản và chịu trách nhiệm giữ gìn tài sản nhà cửa đã kiểm kê, đại chương 01 bản gửi về tỉnh 01 bản.
- Điều III : Tổ kiểm kê, phòng tài chính, phòng nhà đất Thị xã, UBND các phường, ông chánh văn phòng UBND. Thị xã và các chủ gia đình được kiểm kê tùy quyền hạn, nhiệm vụ chiếu quyết định thi hành.

Trà vinh, ngày tháng năm 1976

TM: UBND. Thị xã
Chủ tịch



Lý Trung Tuấn

BIÊN BẢN

Thi hành quyết định số 24/ĐD của UBND
Thị trấn Bả Khánh chúng tôi tổ Kiểm kê tiến hành khảo sát
4 giờ 30 phút nhà 17 khu 1 thuộc
 phường II

VỚI SỰ CỐ MẶT:

~~Tổ trưởng~~ - Tổ trưởng không phải là d/c do
Tổ trưởng.

- gia đình do ông bà ~~Nguyễn Văn Minh Nguyễn Văn~~
là chủ gia đình.

Số đồ trong gia đình gồm (có kèm theo mẫu số 2).

- Sổ đỏ này tạm giao cho gia đình ông bà ~~Nguyễn Văn L.~~ quản lý nhưng không được sang bán, hoặc lưu nơi khác.

biên bản này làm 3 bản như nhau.

111/Gay 224/22/ 1976

chủ gia đình

TO 3

ký tên : **làng tay :**

Lê

7 Aug

мәулен үлән хәүзәһе 1.1.10 30 2

→ nhà 1 căn, bề ngang 4 m, dài 15 m xây tường lợp tole nhà lát gạch bông.

- 1 cái tủ lạnh (1 cái tủ lạnh gọi?)
- 1 bộ ghi máy.
- 1 cái tủ đứng ly. 1 cái tủ nhỏ?
- 1 cái quạt máy (cái quạt?)
- 1 thùng bát
- 1 cái tủ kiến đựng quần áo
- 1 bàn bida
- 1 bình lướt điện
- 1 cái máy cassette.
- 1 cái giường sắt?
- 1 cái radio national.
- 1 cái bàn nhỏ?

**(GIÁM ĐỐC CHƯƠNG TRÌNH ODP TRẢ LỜI PHÒNG VẤN
CỦA BÁO TUỔI TRÉ)**

tr Vực hoặc chống và con cái của những người đã chết trong trại cải tạo hoặc

Với trường hợp người mắc bệnh tâm



PT.



BỘ TÀI CHÍNH

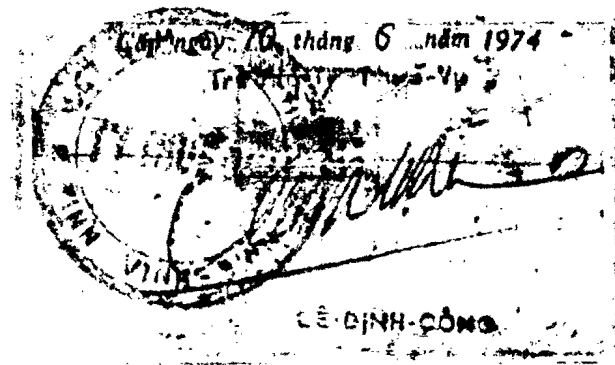
TỔNG NHÀ THUẾ VIỆT

Nguyễn Thị LIÊN

Trưởng Ban Thuế

Tổng Thuế Nhà

Số 008 - TỈNH BÌNH



Cát ngày 10 tháng 6 năm 1974

Trần Văn Thọ - VP

LÊ DINH CÔNG

XIN LƯU Ý

Để tránh những vi-phạm có thể bị phạt từ 50\$ đến 10.000\$ ấn-định do Sắc-luật số 24/59 ngày 16-9-59, các thẻ-nhân hay pháp-nhân chịu thuế có phồn-sự:

1) ghi rõ Sổ Quốc-Gia Danh-Bộ được cấp trên các văn-kiện trong nội giao-dịch về nghề-nghiệp hay thương-mãi: án-chỉ, đơn xin, thư từ thương-mãi, hóa-đơn, thanh-đơn, biên-nhận, các tờ khai thuế-vu, chứng-chỉ, v.v...

2) báo cho Sổ Quốc-Gia Danh-Bộ bằng thư mọi sự thay đổi về lý-lịch, hoạt-động hành nghề và thương-mãi.

3.9.1959
11-8-1959
19-11-1959
THẺ DANH - BỘ

THẺ - NHÂN

Khi cần xuất-trình thẻ này, xin kèm theo thẻ căn-cứu.

VIỆT-NAM CỘNG-HOA

BỘ TÀI-CHÁNH

NHA TÒNG GIÁM-ĐỐC THUẾ-VỤ

SỞ QUỐC-GIA DANH-BỘ

Tên họ :

NGUYỄN-THỊ-LIÊN

Ngày và nơi sinh : 7-1-1935 tại TRÀ-VINH

Nghề-nghiệp :

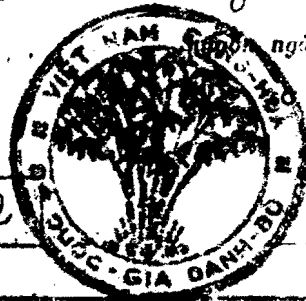
Thủ Hộ

Địa-chỉ :

2/3 Nguyễn-Trí-Phước, Tỉnh-Bình

SỐ QUỐC-GIA DANH-BỘ

35 | 007 | 23 | 002



ngày 19-7-1962

CHANH SỰ-VỤ

SỞ QUỐC-GIA DANH-BỘ

[Handwritten signature]

CHỦ-VỊ

ỦY-BAN QUÂN-QUẢN
THỊ-XÃ TRÀ - VINH
TIÊU BAN AN-NINH NỘI-CHÍNH

CỘNG-HÒA MIỀN-NAM VIỆT-NAM
ĐỘC-LẬP DÂN-CHỦ HÒA-PHÌNH TRUNG-LẬP

ẤY CHỨNG NHẬN
-C-C-C-

ỦY-BAN QUÂN-QUẢN THỊ-XÃ TRÀ-VINH CHỨNG NHẬN :
Nguyễn Thị Liên sinh năm 1935 Sinh quán tại xóm
ấp Xã Song Lộc Huyện (Quận) Châu Thành
Tỉnh Trà Vinh cư trú tại số nhà 17 Khóm II Phường
Đường phố Lê Quang Diễm Tỉnh (hạt ấp)
Xã Song Đức Quận Châu Thành Tỉnh Trà Vinh.

Trước đây công tác với dịch ở cơ quan Ủy Ban Vũ
Đơn vị Giữ chức vụ Chở Kỵ Sĩ
Cấp bậc

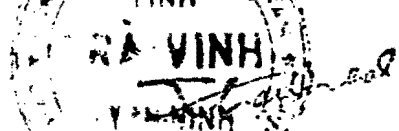
Đã trình diện tại cơ quan Ủy Ban Vũ Trà Vinh
ngày 1 tháng 5 năm 1975. Đã giao nộp Giấy tờ hồ sơ, căn cước
quân sự 3000 theo thủ tục và đã được giáo dục học
tập chính sách của Cách-Mạng từ ngày 21 đến ngày 27 tháng 6 năm
1975.

Xét sự hối cải và nguyện vọng của Nguyễn Thị Liên
Ủy-Ban Quân-Quản Thị-Xã Trà-Vinh chứng nhận cho Chi
được trở về cư-ngụ tại Ấp 343/H2 Nguyễn Minh Chi
Phụ Nhuận Gia Định.

Khi về đến địa-phương phải xuất trình giấy tờ chứng
nhận với Chánh-Quyền Cách-Mạng tại nơi cư-trú, chấp hành đúng các
chỉ-trị, chính-sách quy-định của Chính-Quyền địa-phương và thực
sự làm ăn lương thiện, đóng góp công sức cho lợi-ích Cách-Mạng tại
địa-phương.-

Ngày 28 tháng 6 năm 1975

ỦY-BAN QUÂN-QUẢN THỊ-XÃ TRÀ-VINH
TIÊU BAN AN-NINH NỘI-CHÍNH,



THẠCH-NHÂN

DẪN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

(Extrait du registre des actes de naissance)

Làng Song-lộ (Travinh)

(NAM-PHẦN)
(Sud-Viêt-Nam)

NĂM 1935
(Ann e)

SỐ HIỆU 3
(Acte No)



Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn Thị Liên
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nữ
Sinh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 7 Janvier 1935
Sinh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Làng Song-lộ
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn Văn Ngộ
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Instituteur
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Long-đức (Travinh)
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Lương Thị Thon
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Ménagère
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Làng Long-đức (Travinh)
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ Chánh

Chúng tôi
(Nous)

Vĩnh-Vân-Tý
Vĩnh Bình

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M.)

Phạm-Vũ-Thương

Chánh Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef du dit Tribunal).

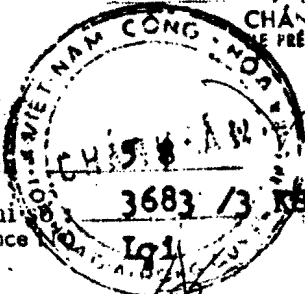
Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme),



ngày 26 - 6 - 1968

CHÁNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFIER EN CHEF)

Vĩnh Bình, ngày 26 - 6 - 1968



Giá tiền

(Coût)

Biên-lai

(Quittance)

3683 / 3 KB

VIỆT NAM CỘNG-HÒA
TỈNH VĨNH-BÌNH

Quận Châu Thành
Xã Phước-Vinh
Số hiệu 281



TRÍCH LỤC BỘ KHAI-SANH

Lập ngày 25 tháng 2 năm 1975

Tên họ đứa trẻ	<u>NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM</u>
Con trai hay con gái	<u>gái</u>
Ngày sanh	<u>hai mươi hai tháng hai năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm (22-2-75)</u>
Nơi sanh	<u>Phước-Vinh (Vĩnh-Bình)</u>
Tên họ người cha	<u>/</u>
Tên họ người mẹ	<u>Nguyễn thị Liên</u>
Vợ chánh hay không có hôn thú	<u>/</u>
Tên họ người đứng khai	<u>Trần thị Hinh</u>

TRÍCH LỤC Y BẢN CHẤNH

Phước-Vinh ngày 3 tháng 3 năm 19 75
XÃ-TRƯỞNG KIỂM HỘ-TỊCH,



Võ Văn Phước
Xã-Trưởng



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Phủ-Vinh(Vinh-Bình)

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1959
(Année)

SỐ HIỆU 1308
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-minh-Tam
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 30 tháng 9 năm 1959
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Phủ-Vinh
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-minh-Nguyệt
Cha làm nghề gì (Sa profession)	33 tuổi, Thư-ký hành-chánh
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phủ-Vinh Vinh-Bình
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Liên
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	24 tuổi, Thư-ký
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phủ-Vinh
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh H.T số 194

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh-Lục-sự Toà-án sở tại.
(Greffier en Chef du Tribunal)

Ngày 196
CHÁNH-ÁN,
LE PRÉSIDENT,

Trích y bản chính,
(Extrait conforme)

Vinh-Bình ngày 15/10/1959

CHÍNH-LỤC-SỰ,
LE GREFFIER EN CHEF

Giá tiền: 5000

(Cost)

Biên-lai số: 7566/10K8

(Quittance No)

Phát:

VIỆT NAM CỘNG-HOA
République de Viêt-Nam

BỘ TƯ-PHÁP
Département de la Justice

SỞ TƯ-PHÁP NAM-PHẦN
Service Judiciaire du Sud Viêt-Nam

PHÒNG LỤC-SỰ TOÀ VINH-BÌNH

(GREFFE DU TRIBUNAL DE



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH Phú-Vinh(Vinh-Bình)
(Extrait du registre des actes de naissance)

(NAM-PHẦN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1962
(Année)

SỐ HIỆU 871
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-sinh-Hoàng
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 8 tháng 5 năm 1962
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Bao-sanh Đu-Hòa Vinh-Bình
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	Nguyễn-minh-Nguyệt
Cha làm nghề gì (Sa profession)	Thư-ký
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phú-Vinh
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-Liên
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Thư-ký
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Phú-Vinh
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	Vợ chánh H.T số 34

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

chứng cho hợp-pháp chữ ký tên của
(Certifions l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh-Lục-sự Toà-án sơ tại
(Greffe au Chef-lieu du Tribunal)

Ngày 15/10/1962

CHÁNH-ÁN,
(LE PRÉSIDENT)

Trích y bản chánh,
(Pour extrait conforme)

Vinh-Bình ngày 15/10/1962

CHÍNH LỤC-SỰ,
(LE GREFFE DU TRIBUNAL)

Giá tiền: 500
(Coût)

Biên-lai số: 7566/10KS
(Quittance No)

Phát



BẢN TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH
(Extrait du registre des actes de naissance)

Long-Toàn (Vinh-Bình)

(NAM-PHÂN)
(Sud Viêt-Nam)

NĂM 1967
(Année)

SỐ HIỆU 175
(Acte No)

Tên, họ đứa con nít (Nom et prénom de l'enfant)	Nguyễn-văn-lông
Nam, nữ (Sexe de l'enfant)	Nam
Sanh ngày nào (Date de naissance)	Ngày 19 tháng 11 năm 1967
Sanh tại chỗ nào (Lieu de naissance)	Long-Toàn
Tên, họ cha (Nom et prénom du père)	////////////////////
Cha làm nghề gì (Sa profession)	////////////////////
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	////////////////////
Tên, họ mẹ (Nom et prénom de la mère)	Nguyễn-thị-lân
Mẹ làm nghề gì (Sa profession)	Lội thợ
Nhà cửa ở đâu (Son domicile)	Long-Toàn
Vợ chánh hay thứ (Son rang de femme mariée)	////////////////////

Chúng tôi
(Nous)

Chánh-án Toà
(Président du Tribunal)

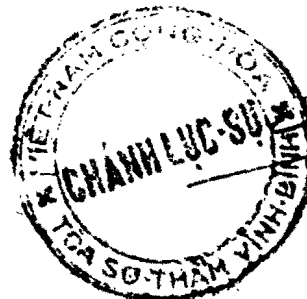
chứng cho nọp-pháp chữ ký tên của
(Attestations l'authenticité de la signature de)

Ông
(M)

Chánh-Lục-sự Toà-án số 101
(Greffier en Chef dudit Tribunal)

Tích y bản chánh.
(Pour extraits conformes)

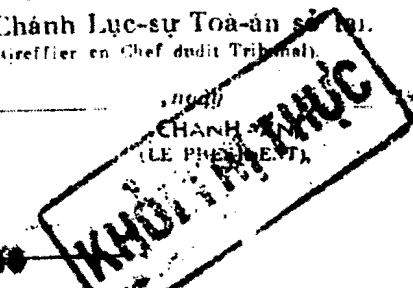
Vinh-Bình, ngày 27/10/71 19
CHÁNH LỤC-SỰ
LE GREFFIER EN CHEF



27-10-71

Giá tiền: 150
(Coût)

Biên-lai số: 66277
(Quittance No)



Nguyễn

- - - - -

Họ Tên : NGO - THE * TAI
Sinh : 1949 tại : Long-Duc
căn cước số : 0130723 ngày : 14-3-1969
Cấp tại : Vinh-Binh
Đã chỉ : Tỉnh Đoàn CB/PTNT Vinh-Binh

TÌNH-TRẠNG QUÂN-DỊCH

- Thuộc lớp tuổi nhập ngũ.- Tam thời được triển hạn
nhập ngũ do phục vụ CB/PTNT Tỉnh Vinh-Binh. Do DS số
003221/TDGB/VB/QNS ngày 09-12-1971.

Số 411245/SDVH/QĐ3/CB

Có hiệu lực đến : Ba mươi mốt tháng mười hai năm
mốt ngàn chín trăm bảy mươi hai (31-12-1972)

KBC.3576, ngày 30 Th. 12. 1971

Trưng tá - LƯƠNG-VĂN-KINH

Chánh Sự Vụ Sở Động-Viên 4

(AN KÝ)

Gia hạn đến :

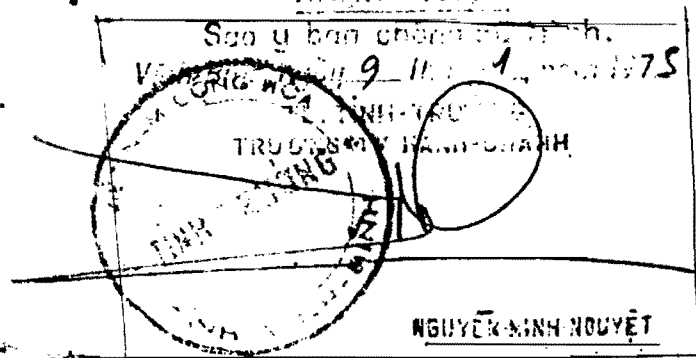
KB.C

, ngày

Số 411245 /SDVH/QĐ3/CB

MẤU
01.01.71 QB-772C (THAY THẾ MẤU 772B ngày 15.9.70) E 01.71.TTALAP.0.06

- CHỮ Ý :
- 1- Xuất trình bản chính cho cơ-quan công lực khi xét hỏi.
 - 2- Chứng chỉ này chỉ cấp 1 bản, có thể dùng bản sao có thi thực để bổ túc hồ sơ hành chánh trong các dịch vụ thông thường.
 - 3- Nếu muốn xin tái cấp, đương sự phải làm đơn trước 15 ngày chứng chỉ này hết hiệu lực.



I

II

Important:

List below the persons to be considered for admission to the United States. In the column MS (marital status) indicate married (M), divorced (D), widowed (W), or single (S).

NAME In Vietnamese Order	DATE OF BIRTH mo/da/yr	PLACE OF BIRTH	SEX	MS	RELATION TO P.A.	ADDRESS
1. <u>NGUYEN THI LIEN</u>	<u>01-07-35</u>	<u>TRẦN</u>	<u>F</u>	<u>W</u>	Principal Applicant	<u>17 NGUYEN THI MINH KHAI THIXA TRA VINH VIET-NAM</u>
2. <u>NGUYEN MINH TAM</u>	<u>09-30-59</u>	<u>-</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>	
3. <u>NGUYEN MINH HOANG</u>	<u>05-08-62</u>	<u>-</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>	
4. <u>NGUYEN VAN HOANG</u>	<u>11-19-67</u>	<u>-</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>SON</u>	
5. <u>NGUYEN THI PHUONG</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>daughter</u>	
6. <u>TRAM</u>	<u>02-22-75</u>	<u>-</u>				
7.						
8.						
9.						
10.						
11.						
12.						
13.						
14.						

FAMILY TREE

List all of your relatives requested below even if they are already listed on Page 1. Please include relatives who are already in the USA or other countries as well as those in Vietnam. We must establish your entire family. (If there is not enough room, continue on separate sheet.)

[illegible]

I swear that the above information is true. I understand that any false statement could jeopardize my immigration status in the United States.

Signature of Applicant

Subscribed and sworn to me

this 10 day of October, 1990

Signature of Notary

My commission expires:

SIGNATURE OF NOTARY

NOTE: If you are a
your I-34 (refugee)
completed affidavit

Resident Alien, please attach a copy of
(if Resident Alien) green card to the
Naturalization Certificate.

APPLICATION AND AFFIDAVIT
Đơn Xin và Tờ Khai

SPECIAL RELEASED REEDUCATION CENTER DETAINEES RESETTLEMENT PROGRAM

Chương Trình Đặc Biệt Tái Định Cư Những Người Được Thả Từ Các Trung Tâm Cải Tạo

NAME/Tên NGUYỄN THỊ LIÊN / DATE OF BIRTH/Ngày Sinh 07/01/1935

SEX/Phái Female / PLACE OF BIRTH/Nơi Sinh Songlot Travinh Cuulong Province

PARENTS/Cha mẹ: (LIST LIVING AND DECEASED AND STEP PARENTS/Hết kê cả người sống lẫn chết và bà má kế)

NAME/RELATIONSHIP Tên /liên-hệ	BIRTHDATE / Ngày-sinh /	BIRTHPLACE / Nơi-sinh /	PRESENT LOCATION / Nơi cư-trú hiện tại
Nguyễn Văn Ngọc	1909	Travinh	dead
Lương Thị Thơm	1911	Travinh	Nguyễn Thị Minh Khai Travinh Cuulong Province

SPOUSE[s]/vợ/chồng: (BE SURE TO DECLARE ALL LIVING, DIVORCED AND DECEASED/Nhớ kê tất cả người đang sống chung, đã ly dị và đã chết)

NAME/RELATIONSHIP Tên /liên-hệ	BIRTHDATE / Ngày-sinh /	BIRTHPLACE / Nơi-sinh /	PRESENT LOCATION / Nơi cư-trú hiện tại
NGUYỄN MINH NGUYẾT	19/08/1926	An Xuyên Camau	Dead
husband			

CHILDREN/con cái: (BE SURE TO DECLARE ALL LIVING, ADOPTED AND DECEASED/Nhớ kê tất cả người đang sống lẫn chết và con nuôi)

NAME/RELATIONSHIP Tên /liên-hệ	BIRTHDATE / Ngày-sinh /	BIRTHPLACE / Nơi-sinh /	PRESENT LOCATION / Nơi cư-trú hiện tại
NGUYỄN MINH TÂM Son	30/01/1959	Travinh	Nguyễn Thị Minh Khai
NGUYỄN MINH HOANG Son	08/05/1961	id	Travinh Cuulong Province
NGUYỄN VĂN HƯNG Son	19/11/1964	id	id
NGUYỄN THỊ PHƯƠNG TRÂM Daughter	22/02/1975	id	id

SIBLINGS/Anh chị em: (BE SURE TO DECLARE ALL OF YOUR LIVING, DECEASED, HALF AND STEP SIBLINGS/Nhớ kê tất cả người sống lẫn chết, anh em một cha khác mẹ hoặc một mẹ khác cha, anh em kế)

NAME/RELATIONSHIP Tên /liên-hệ	BIRTHDATE / Ngày-sinh /	BIRTHPLACE / Nơi-sinh /	PRESENT LOCATION / Nơi cư-trú hiện tại
NONE			

ARE YOU PRESENTLY MARRIED OR HAVE YOU EVER BEEN MARRIED/Bạn có kết hôn hoặc đã từng lập gia đình chưa?

(FEMALES ONLY/nữ) ARE YOU PREGNANT/Bạn đang có thai không? NO

PERIODS IN REEDUCATION CAMP/Thời gian ở Trại Cải tạo: ① NGUYỄN MINH-NGUYỄN Amy Husband/đưa
② NGUYỄN-THỊ-LIÊN

① FROM/Từ 03/06/1975 TO/Đến 04/02/1981 LOCATION OF CAMP/Địa điểm Trại: Bến giá
② FROM/Từ 30/04/1975 TO/Đến 07/05/1975 LOCATION OF CAMP/Địa điểm Trại: in place (tại chỗ)

DATE OF FINAL RE-EDUCATION RELEASE/WHEN // Ngày cuối cùng được thả ra/khi nào

PERSONAL HISTORY/Tiểu-sử Cá nhân:

PLEASE GIVE YOUR COMPLETE WORK HISTORY SINCE THE AGE OF 16 STARTING WITH YOUR MOST RECENT OCCUPATION. PLEASE GIVE AS ACCURATE A JOB DESCRIPTION AS POSSIBLE. Xin cho biết một cách đầy đủ các việc làm của bạn kể từ lúc bạn 16 tuổi bắt đầu bằng những công việc (công-nghiệp) mới nhất. Xin viết bạn mô tả công việc (JOB DESCRIPTION) càng xác thực càng tốt.

DATES OF EMPLOYMENT/Ngày nhận việc 04/02/1956 to 30/04/1975 NAME OF EMPLOYER/tên công ty Inspection Vĩnh Bình Province (Toà Hành Chánh)
JOB TITLE/Chức vụ Secretary (Thư Ký) DUTIES/Nhiệm vụ Tax Service Vĩnh Bình Province
Vinh Long, Sactec Province

DATES OF EMPLOYMENT/Ngày nhận việc 1951 to 1956 = College Dialong Saigon
JOB TITLE/Chức vụ 1956 to 1975 = Secretary
DUTIES/Nhiệm vụ 30/04/75 to 07/07/75: Reeducation in place
07/05/75 - Present = Tailor

DATES OF EMPLOYMENT/Ngày nhận việc
JOB TITLE/Chức vụ
DUTIES/Nhiệm vụ

EDUCATION/Trình độ học vấn:

NAMES OF EDUCATIONAL INSTITUTIONS ATTENDED / DATES TO/FROM
tên các trường bạn đã theo học / Ngày tháng từ / đến
Elementary School Travinh / - 1946 to 1951
College Dialong Saigon / - 1952 to 1956

HAVE YOU EVER SERVED IN THE MILITARY? // Bạn đã từng phục vụ trong quân-dội bao giờ chưa?

MILITARY SERVICE/Lịch-trình phục-vụ quân đội

DATES TO/FROM/Ngày tháng từ/đến UNIT-LOCATION/Đơn-vị địa điểm RANK/Cấp bậc

THIS IS TO VERIFY THAT THIS INFORMATION IS CORRECT AND COMPLETE TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE. I ALSO PROMISE TO INFORM THE U.S. IF MY MARITAL STATUS CHANGES BEFORE I LEAVE VIETNAM./Tôi xin xác nhận đây là những lời khai đúng và đầy đủ nhất theo sự hiểu biết của tôi. Tôi cũng xin hứa sẽ báo tin cho đại diện của U.S. nếu tình trạng hôn-nhân của tôi thay đổi trước khi tôi rời Việt-Nam.

SIGNED/Ký tên Lu

DATE/Ngày 16/03/1991

PERSONAL HISTORY / JOB DESCRIPTION

Name : NGUYỄN-THỊ-LIÊN DOB 7.01.1935 POB Song Lộc, Trà-Vinh (CL)

Present location : 17 Nguyễn-Thị-Minh-Khai St., TRAVINH city -
CUU-LONG Province.

Date of employment	Job Title and Name of Employer / Service with RG/VN	REMARKS
- 7.5.75 - Present	- Tailor (Self sufficient), TRAVINH city:	
- 30.4.75 - 7.5.75	- Reeducation in place (Cải tạo tại chỗ)	
- 1968 - 30.4.75	- Tax provincial Service / Vinh Binh (Ty Thuế Vụ)	: Tax Secretary
- 1967 - 1968	- Tax provincial Service / SADEC province:	- id -
- 1957 - 1967	? - Tax provincial Service / Vinh Binh province :	- id -
- 1956 - 1957	- Administration office of VB province Administration	Secretary
- 1952 - 1956	- Student (College Gia Long / SAIGON)	:

REFERENCES :

- CATSY, CU, friendship 18525 SWAN STREAM DRIVE
GAITHERSBURG MD. 20877 - USA.
TEL : Home : (301) 96302h5
Work : (301) 4173022
- PHƯƠNG NGUYỄN, friendship

CONN. 06108 - USA

PERSONAL HISTORY / JOB DESCRIPTION

Name : NGUYỄN-MINH-NGUYỄN DOB 1929 POB AN-XUYEN (CAMAU)

Present location : (dead)

Date of employment :	Job Title and Name of Employer / Service with RG/VN :	REMARKS
- 03.12.1988	: - dead	: death certificate
- 05.12.81-2.12.88	: - farmer	:
- 30.4.75 -4.12.81	: - Reeducation in Bến Giã camp	: Release certificate
- 1947 - 30.4.75	: - Sewing with GVN/SAIGON	:
	: <u>Function</u> :	
	: - Economic control office chief / VB	:
	: province	
	: - Deputy District chief of Long Toàn,	:
	: Cầu-Ngang, Châu-Thành District	:
	: VB province.	:
	: - Economic provincial Service chief	:
	: VB province.	:
	: - Secretary, Administration office of	:
	: Gia Định P2	:
- 1940 - 1947	: - Student	:

PERIOD IN REEDUCATION CAMP

- From 3.6.75 to 4.12.81 (05 years 06 months and be put under surveillance 12 months).
- Location of camps : Bến Giã (Cầu-Long province)
- Date of final reeducation release/when : 04.12.1981

REFERENCES

- CASSY, CU, friendship 18325 SWAN STREAM DRIVE GAITHERSBURG MD. 20877-USA.
TEL : Home : (301) 96302h5
work : (301) 4173022
- PHƯƠNG NGUYỄN, friendship

Số 03. / 91

((Ấ C NH Ậ N

-+--oOo--+--



II Kn cứ vào hồ sơ cải tạo của
đương sự NGUYỄN MINH NGUYỆT

Sinh năm : 19.08.1926

Sinh quán: Xã An Xuyên, Huyện Cờ Đỏ, Tỉnh Bạc Liêu) Minh hân

TRÚ quán : 17. Nguyễn Thị Minh Khoa, Huyện Tân An, Trà Vinh

Cấp bậc, chức vụ cuối cùng trong chế độ cũ

..... Chủ Sở Phỏng Kinh Tế Tỉnh Trà Vinh

Đương sự có tập trung học tập cải tạo
tại trại Cải tạo Bến Ngủ, Tỉnh Cửu Long...

từ ngày 02/02/75 đến ngày 04/02/1981

Quyết định tập trung cải tạo số 1210....

Của Ủy Ban Nhân dân tỉnh Cửu Long do ông Nguyễn Châu Tịch

ĐIỀU QUANG DẠNH..... ký ngày 10/04/78

/)/ay cơ quan hồ sơ xác nhận cho

Nguyễn Thị Liên, là vợ của đương sự, già.....

để làm thủ tục hồ sơ ./.

/)/ gây 04 tháng 03 năm 1991

P. TRƯỞNG PHÒNG HỒ SƠ.



CA. JY Nguyễn Thị Hồng Thi

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Mẫu TP/HT 12

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Xã, phường
Huyện, quận Đô. Uông.....
Tỉnh, thành phố Liêu. Long.....

Số 13.....

Quyển số 1.....

GIẤY CHỨNG TỬ

Căn cứ giấy báo tử số 13 ngày 05 tháng 09 năm 1989
Của người (hoặc cơ quan) báo tử Nguyễn Thị Liên
Nơi thường trú 23.2. Khóm 8. phường 7. Thị xã TV

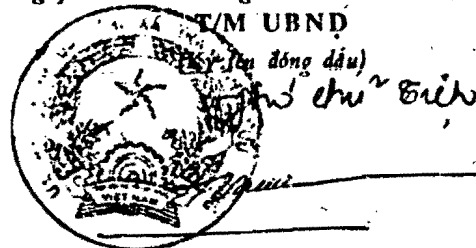
Số giấy chứng minh hoặc hộ chiếu 330071751
Quan hệ với người chết Đi

NAY CHỨNG TỬ:

Họ và tên người chết Nguyễn Minh Nguyệt Nam, nữ
Sinh ngày tháng năm 1926
Dân tộc Khơme Quốc tịch Việt Nam
Nơi thường trú 23.2. Khóm 8. phường 7. Thị xã TV
Chết ngày 03 tháng 12 năm 1988
Nơi chết At. nhà
Nguyên nhân chết Bệnh lâu biến mất máu não

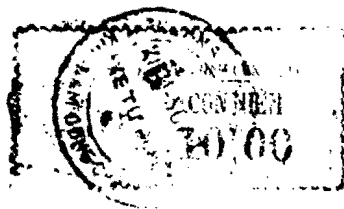
Việc mai táng phải tiến hành chậm nhất trong vòng 24 giờ kể từ khi chết.
trừ trường hợp có quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền theo luật định.

Ngày 05 tháng 09 năm 1989



Đường tấn Hải

BỊ THU HỒI BẢNG LẠI		CHỮ KÝ
Từ		ngày
Đến		
Từ		ngày
Đến		
Từ		ngày
Đến		
Từ		ngày
Đến		



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ CÔNG-CHÁNH
VÀ GIAO-THÔNG

KHU - NAM CÔNG - CHÁNH
NAM - PHẦN

KIỂM-SOÁT XE TỰ-ĐỘNG

BẢNG LÁI-XE

TỰ - ĐỘNG

SỐ: I. 001793

Họ và tên: **Nguyễn Văn Tấn**
 Tục danh: **Trần Văn Tấn**
 Quốc-tịch: **Việt Nam**
 Ngày sinh: **19.8.1926**
 Nơi sinh: **Anamien (Canton)**
 Nghề nghiệp: **Thợ xây dựng**
 Địa chỉ: **12 Nguyễn Trãi, Phường Phú Vinh (Định Bình)**
 Cấp tại Cần Thơ
 Ngày 6 tháng 3 năm 1964
 Kỹ-Sư thừa ủy-nhiệm, **Trần Văn Tấn**



HÀNG AXE BUỘC PHÉP LẠNH

A	XE MÁY DẦU XE MÁY DẦU CÓ GẮN XE BIÊN
	XE XÍCH-LÔ MÁY XE BA BÁNH GẮN MÁY (dùng vận tải công cộng hành khách và hàng hoá)
B	XE DU LỊCH XE TRỌNG TÀI DƯỚI 3T500
C	XE TRỌNG TÀI TRÊN 3T500
D	XE VẬN TẢI CÔNG CỘNG (HÀNH KHÁCH - HÀNG HÓA) Loại B — Loại C

NGÀY CÓ HIỆU TỤC	ĐẤU NƠI
Cần Thơ, ngày 6-6-1964 Kỹ-sư thừa ủy-nhiệm, Trần Văn Tấn	
Cần Thơ, ngày 6-6-1964 Kỹ-sư thừa ủy-nhiệm, Trần Văn Tấn	
Cần Thơ, ngày 6-3-1964 Kỹ-sư thừa ủy-nhiệm, Trần Văn Tấn	
Cần Thơ, ngày 6-3-1964 Kỹ-sư thừa ủy-nhiệm, Trần Văn Tấn	
Cần Thơ, ngày 6-3-1964 Kỹ-sư thừa ủy-nhiệm, Trần Văn Tấn	D

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ Y TẾ

Bệnh Nhân Đào Lân

Số vào viện: 3350

Ngày: 14-04-88

Khoa: YHD

GIẤY RA BỆNH VIỆN

Tên: Nguyễn Minh Nguyệt Tuổi: 64

Địa chỉ hay cơ quan: 55/1 Trần Bình Trọng Tp Hồ Chí Minh

Số HD số: 3350 Khoa: YHD

Năm ngày: 14-04-88

Ra ngày: 02-05-88

CĂN BỆNH: Cao HA + Thừa năng tuyến thượng thận
+ nhiễm giun móc

CÁCH CHỮA: Điều trị tổng hợp

Y, BÁC SĨ ĐIỀU TRỊ: Bs. Liên Hương.

LỜI DẶN: Uống thuốc tẩy giun lần 2 từ ngày tái khám

theo đơn khám trước. Bệnh nhân chuyển Khoa YHD Hồ Chí Minh

Ngày tháng năm 1988

Phòng Y Vụ

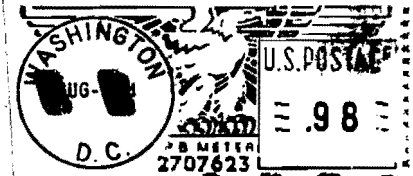
Bác sĩ Trưởng khoa

Họ tên

Họ tên

103-02-471

TRAVELERS AID SOCIETY
OF WASHINGTON, D.C.



HP NG. THANH LIEN
NG. MINH NGUYEN

WASHINGTON, DC 200

TO: Mrs. KHUC MINH THO

TN chie
Ngoai Trai
Xeu lai

AUG 1 2 1991

8/12/91